

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA VI TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ VII

Đại hội VII Đảng bộ tỉnh tiến hành trong bối cảnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng: Loài người kết thúc một thế kỷ với sự phát triển kinh tế mạnh mẽ xen lẫn những cuộc khủng hoảng lớn ; nước ta kết thúc thắng lợi 15 năm đổi mới; 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000; 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng ; tỉnh ta kết thúc 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI với những tiến bộ mới, tạo được nhiều thay đổi lớn, sâu sắc trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, xây dựng chính đón Đảng. Đại hội Đảng các cấp cơ sở, huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đạt kết quả tốt đẹp là cơ sở để tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh thành công.

Phát huy thắng lợi và kinh nghiệm của nhiệm kỳ 1996 - 2000, Đại hội VII Đảng bộ tỉnh tập trung trí tuệ để đánh giá đúng tình hình, làm rõ ưu khuyết điểm, nguyên nhân và rút ra những bài học kinh nghiệm ; đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp có tính đột phá, khả thi, phù hợp với thực tiễn để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; bầu ra được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh mới đủ đức, tài thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ thời kỳ 2001 - 2005, đưa tỉnh ta đi vào thế kỷ 21 với thế và lực mới.

Với tinh thần đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VI trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII Báo cáo chính trị như sau:

PHẦN THỨ NHẤT ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH 5 NĂM 1996 - 2000

I- THÀNH TỰU:

1- Nền kinh tế của tỉnh cơ bản ổn định và tiếp tục tăng trưởng với tốc độ khá cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, sản xuất nông nghiệp và công nghiệp gắn với nhau cùng phát triển, giải quyết cơ bản mất cân đối giữa sản xuất và chế biến nông sản, hình thành được ngành kinh tế mũi nhọn, tiềm năng kinh tế được khai thác tốt hơn.

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng bình quân hàng năm 13,3% (thời kỳ 1991 - 1995 tăng bình quân năm là 12,19%). Mặc dù chưa đạt chỉ tiêu (18-19%) nhưng đó là mức tăng trưởng cao nhất từ trước đến nay, đặc biệt là tăng trong điều kiện khó khăn gay gắt. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ chiếm ngày càng lớn trong GDP: Năm 2000 so với năm 1995, tỷ trọng công nghiệp tăng từ 16,6% lên 20,3%, tỷ trọng nông nghiệp giảm từ 51,6% còn 47,6%, các

ngành dịch vụ tăng từ 31,8% lên 32,1%. Các thành phần kinh tế được tổ chức, sắp xếp lại một bước, đến năm 2000, khu vực kinh tế Nhà nước vẫn chiếm vị trí quan trọng, tỷ trọng trong GDP tăng từ 28,5% năm 1995 lên 30,8% năm 2000; kinh tế dân doanh giảm từ 69,2% xuống 62,5%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 2,3% lên 6,6%; kinh tế hợp tác bước đầu được tổ chức lại.

Trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn, tiếp tục thực hiện chủ trương ưu tiên đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tinh tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu; chuyên dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng đa dạng, hiệu quả; hình thành được các vùng chuyên canh, khai thác được tiềm năng, góp phần phát triển mạnh sản xuất nông nghiệp và đổi mới toàn diện bộ mặt nông thôn, kéo giảm dần sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn: Giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp tăng bình quân hàng năm 12,5%, vượt chỉ tiêu (10 - 11%) và cao hơn giai đoạn 1991 - 1995 (9,4%); bình quân lúa đầu người từ 348kg năm 1995 tăng lên 530kg năm 2000, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (400kg). Cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi đều phát triển, nhất là cây công nghiệp phát triển khá mạnh. Xuất khẩu nông sản hàng năm chiếm gần 70% tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu của tỉnh, những mặt hàng chủ lực là đậu phộng, hạt điều nhân, cao su. Hệ thống thủy lợi, giao thông, y tế, trường học, điện, thông tin... ở nông thôn được củng cố, phát triển khá mạnh; đất đai ổn định dân, tín dụng phục vụ nông thôn được mở rộng; công tác khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y chuyển biến tích cực; công tác chuyển giao kỹ thuật có sự quan tâm tốt hơn, nhiều giống mới được đưa vào sản xuất; đã tiến hành phân vùng chuyên canh cây trồng phù hợp với thổ nhưỡng để các nhà máy đầu tư, bao tiêu sản phẩm, tạo ra thị trường trực tiếp thúc đẩy nông nghiệp phát triển, giải quyết cơ bản mâu thuẫn mất cân đối giữa sản xuất và chế biến mía, mì, cao su... hình thành được một số vùng sản xuất có quy mô diện tích, năng suất, sản lượng cao. Việc khai hoang phục hóa, mở rộng diện tích, giao đất, khoán rừng cho nhân dân để phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại và các hình thức kinh tế hợp tác được khuyến khích, gắn với nâng cao trình độ thâm canh, phát triển thủy lợi, cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, phát triển công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới đã tạo ra nhiều thay đổi trong lĩnh vực nông nghiệp và kinh tế nông thôn của tỉnh.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng trưởng với tốc độ khá cao, hình thành được ngành công nghiệp mũi nhọn và căn bản chế biến hết sản lượng các nông sản chính. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 25,5%, tuy không đạt chỉ tiêu đề ra (28-29%), nhưng cao hơn giai đoạn 1991-1995 (22,6%). Sản xuất công nghiệp tăng nhanh ở ngành công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm (tăng bình quân hàng năm 25,8%) và tăng mạnh ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, năm 1995 khu vực này chiếm tỷ trọng 18,7%, năm 2000 chiếm 48,2% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Công nghiệp chế biến mía đường, bột mì được đầu tư phát triển, đổi mới công nghệ đủ năng lực chế biến hết sản lượng mía, củ mì với chất lượng sản phẩm có khả năng xuất khẩu, tạo ra sự chuyển biến tích cực, đúng hướng

về cơ cấu kinh tế. Công nghiệp sau đường (bánh kẹo, điện, phân bón), sau bột mì (mạch nha...) bước đầu chú ý đầu tư phát triển.

Các ngành dịch vụ được duy trì và chất lượng phục vụ được nâng cao, có thêm nhiều dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu sinh hoạt ngày càng tăng của nhân dân và nhu cầu tăng trưởng kinh tế. Giá trị các ngành dịch vụ tăng bình quân hàng năm 13,5%, một số ngành tăng khá như dịch vụ khách sạn, nhà hàng tăng bình quân 14,7% ; vận tải, thông tin liên lạc tăng bình quân 16,4%. Du lịch có bước phát triển, khởi sắc hơn. Các dịch vụ về tài chính, ngân hàng được củng cố và phát triển.

Đầu tư phát triển toàn xã hội tăng khá và đạt mục tiêu đề ra. Trong 5 năm (1996 - 2000), ước vốn đầu tư phát triển toàn xã hội gấp 2,9 lần so với thời kỳ 1991 - 1995, chiếm tỷ trọng 32,5% trong GDP. Với chủ trương phát huy nội lực, khai thác tốt nguồn lực nội tại, 5 năm qua, nhất là ba năm gần đây, tuy đầu tư nước ngoài giảm mạnh nhưng nhờ đầu tư trong dân cư và Nhà nước tăng lên, bù đắp được thiếu hụt nên giữ được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao.

Nguồn vốn đầu tư của dân chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng nguồn (47,6%) ; nguồn vốn ngân sách, vốn tín dụng, vốn doanh nghiệp Nhà nước chiếm bình quân hàng năm khoảng 30 - 35%, trong đó vốn ngân sách đầu tư tăng bình quân hàng năm khoảng 11,5% và chiếm 18,95%, tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn và vùng sâu, biên giới. Chính sách và môi trường đầu tư ngày càng được cải thiện, vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài 5 năm qua chiếm 17,85%, hầu hết đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, nguồn vốn này tác động tích cực đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý tiên tiến và tăng khả năng cạnh tranh.

Năm năm qua đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều dự án làm tăng năng lực sản xuất kinh doanh và cải thiện đời sống của nhân dân, đáng kể nhất là các dự án chế biến mía đường, bột mì, cao su, phân vi sinh, dệt, may mặc, cáp treo Núi Bà... Kết cấu hạ tầng cũng được củng cố và phát triển khá; đã nâng cấp và làm mới hơn 700km đường giao thông chính, trong đó có 300 km đường nhựa và bê tông nhựa, 400km đường sỏi đỏ, 550m dài cầu bê tông cốt thép; xây mới kênh Tân Hưng và cơ bản hoàn thành việc nâng cấp, khôi phục năng lực tưới tiêu chủ động 45.000 ha đất canh tác và cung cấp nước cho nhà máy đường Bourbon; xây dựng mới kênh mương làm tăng thêm diện tích được tưới tự chảy 5.000 ha, tiêu úng, tạo nguồn hơn 12.000 ha; xây dựng và đưa vào sử dụng nhà máy nước; kéo thêm 800 km đường điện trung, hạ thế, 100% xã có điện lưới, trong đó có 3 xã được điện khí hóa, nâng số hộ sử dụng điện từ 47% (1995) lên 70% (2000) ; nâng cấp và xây mới 1.700 phòng học ; cải tạo, xây dựng và nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh, nhiều bệnh viện ở huyện, thị, trạm y tế xã; bưu chính viễn thông phát triển đều khắp và khá hiện đại, năm 1995 cứ 100 dân có 1 máy điện thoại, năm 2000 tăng lên 3,3 máy; nâng cấp Đài phát thanh truyền hình với công suất 5 KW, bảo đảm phủ sóng trên toàn tỉnh.

Hoạt động kinh tế đối ngoại vượt qua nhiều khó khăn, duy trì được hoạt động, góp phần phát triển kinh tế và sinh hoạt của nhân dân. Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm qua đạt khoảng 223,3 triệu USD, gấp 2,3 lần so với 5 năm 1991- 1995 và tăng bình quân hàng năm khoảng 3,3%. Kim ngạch nhập khẩu giảm bình quân hàng năm 9,75%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là các nước Châu Á, thị trường khá ổn định là Singapore và Đài Loan; gần đây thị trường Campuchia được khai thác tốt hơn, thị trường Châu Âu, Châu Mỹ đang mở rộng dần.

Công tác kêu gọi đầu tư nước ngoài đúng hướng, bước đầu khai thác được thế mạnh của tỉnh, thúc đẩy sản xuất phát triển. 5 năm qua, thu hút 25 dự án với vốn đăng ký 55,9 triệu USD, thực hiện vốn đầu tư 89 triệu USD, đóng góp 50% kim ngạch xuất khẩu của tỉnh, 4,7 triệu USD vào ngân sách và giải quyết 3.800 lao động có việc làm ổn định.

Tính đến cuối năm 2000, có 29 dự án đầu tư nước ngoài được cấp phép với số vốn là 187,6 triệu USD. Trong đó: Khu công nghiệp Trảng Bàng 8 dự án với số vốn đăng ký 13,4 triệu USD. Thị trường trong tỉnh phát triển sôi động, mặt hàng phong phú, đa dạng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Khối lượng hàng hóa lưu thông tăng bình quân hàng năm 19%, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân hàng năm 22,95%. Giá cả thị trường tương đối ổn định, lực lượng tư nhân tham gia hoạt động thương mại ngày càng tăng, đã góp phần ổn định, phát triển thị trường ở tỉnh.

Công tác điều hành, quản lý ngân sách được đổi mới, tập trung và chặt chẽ hơn. Cơ cấu nguồn thu chuyển dịch theo hướng tích cực, thu nội địa chiếm tỷ trọng chủ yếu, thu biên giới, chống lậu có xu hướng giảm, khai thác thêm nguồn thu mới, nguồn thu trong dân, tăng chi cho đầu tư phát triển.

Những năm 1995 - 1998 tỉnh không chỉ cân đối được ngân sách địa phương, có tích lũy dự trữ, mà còn đóng góp một phần cho Trung ương ; hai năm 1999 - 2000 do thay đổi chính sách thuế dẫn đến thu ngân sách thấp hơn mức chi nên được Trung ương trợ cấp. Tuy tổng thu ngân sách hàng năm không lớn (khoảng 400 tỷ đồng) nhưng nhờ khai thác được các nguồn thu, từng bước khắc phục thất thu nên mức độ huy động vào ngân sách tăng, 5 năm qua tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm là 5,2%. Điều hành thu chi ngân sách đảm bảo "lường thu để chi", tốc độ tăng chi xây dựng cơ bản cao hơn tốc độ tăng chi thường xuyên (25% so 13,8%) và chi xây dựng cơ bản chiếm trên 30% tổng chi ngân sách.

Hoạt động ngân hàng tiếp tục đổi mới theo hướng ngày càng thích ứng với nền kinh tế thị trường và khai thác tốt các nguồn lực, phục vụ có hiệu quả vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. 5 năm qua, quy mô huy động nguồn vốn và cho vay của ngành tăng đáng kể, cơ cấu huy động vốn và cho vay đều đúng hướng. Tổng nguồn vốn tăng bình quân hàng năm 16,5%, chủ yếu huy động trên địa bàn tỉnh (chiếm 62,5%). Dư nợ cho vay tăng bình quân hàng năm 19%, cơ cấu cho vay đúng hướng,

tỷ trọng cho vay sản xuất nông - lâm nghiệp tăng từ 44% (năm 1995) lên 70% vào năm 2000, cho vay trung dài hạn ngày càng lớn (chiếm 33,4% tổng dư nợ và tăng hàng năm 33,6%). Ngành ngân hàng đã thành lập thêm Ngân hàng phục vụ người nghèo và xây dựng được 11 Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động khá tốt, góp phần xóa đói giảm nghèo và kéo giảm tình hình cho vay nặng lãi ở nông thôn. Quỹ hỗ trợ phát triển được thành lập, tạo thêm nhiều nguồn vốn ưu đãi hỗ trợ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đầu tư phát triển.

2- Lĩnh vực khoa giáo - văn hóa - xã hội có những tiến bộ mới, đạt được nhiều kết quả đáng kể, một số mặt hoàn thành trước thời gian Nghị quyết Đại hội VI Đảng bộ tỉnh đề ra. Đời sống nhân dân nhìn chung được cải thiện và nâng lên.

Công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa được quan tâm lãnh đạo thực hiện đạt kết quả tốt. Bằng nhiều biện pháp, nhiều chương trình như phát triển kinh tế, dạy nghề, quỹ quốc gia giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, dự án của các đoàn thể..., 05 năm qua đã giải quyết gần 68.000 lao động có việc làm ổn định, đến nay cơ bản không còn hộ đói thường xuyên, hộ nghèo giảm rõ rệt, hộ khá, giàu tăng lên, tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chuẩn cũ của Trung ương giảm từ 8% (1995) còn khoảng 1,89% (2000), tỉnh ta hiện không có xã nghèo theo diện Trung ương quy định. Đời sống nhân dân được nâng lên, đến năm 2000 GDP bình quân đầu người khoảng 320 USD (giá cố định 1994).

Việc giải quyết chế độ cho các đối tượng chính sách, gia đình có công với nước được quan tâm. Đến nay, 100% Bà mẹ Việt Nam anh hùng đã được các đơn vị, tổ chức nhận phụng dưỡng suốt đời ; cơ bản hoàn thành việc quy tập hài cốt liệt sĩ ; phong trào xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, lập sổ tiết kiệm tặng các gia đình chính sách khó khăn được đông đảo nhân dân và nhiều tổ chức hưởng ứng, 5 năm qua đã xây dựng mới 1.004 căn và sửa chữa 153 căn nhà tình nghĩa, xây dựng 289 căn nhà tình thương, về cơ bản đã xóa xong tình trạng nhà ở lụp xụp của các đối tượng chính sách. Các hoạt động từ thiện giúp đỡ người nghèo, tàn tật, trẻ em mồ côi, cơ nhỡ có hoàn cảnh đặc biệt được triển khai rộng rãi, 70% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được quan tâm chăm sóc, đã xây dựng và đưa vào sử dụng trường trẻ em khiếm thị, trường trẻ em khuyết tật.

Hoạt động y tế có nhiều cố gắng và tiến bộ trong phòng bệnh và chữa bệnh. Nhiều năm liền không để dịch bệnh lớn xảy ra. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm từ 40% (năm 1995) xuống còn 32% (năm 2000). Bệnh viện đa khoa tỉnh được cải tạo, nâng cấp với trang thiết bị khá hiện đại, mạng lưới y tế được tăng cường cả về trang thiết bị và cán bộ. Đến nay các xã đều có trạm y tế, về cơ bản các trạm y tế đều có bác sĩ phục vụ ; số bác sĩ/vạn dân từ 3 bác sĩ năm 1996 lên 4 bác sĩ năm 2000; đã hình thành một số cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân. Các chính sách về bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh cho người nghèo, đồng bào vùng sâu, dân tộc và gia đình chính sách được thực hiện thường xuyên. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình

được triển khai sâu rộng, nhân dân đồng tình hưởng ứng. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 1,8% năm 1995 giảm xuống còn 1,52% năm 2000, vượt chỉ tiêu nghị quyết đề ra.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo phát triển và đạt kết quả khá tốt. Học sinh đến lớp tiếp tục tăng ở tất cả các bậc học. Huy động trẻ em 6 tuổi ra lớp một hàng năm đạt 97 - 98%. Chất lượng dạy và học có chuyển biến tốt, có sự quan tâm hơn trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh. Hoàn thành cơ bản công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học trước thời hạn, bước đầu triển khai phổ cập trung học cơ sở ở những nơi có điều kiện. Cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học được quan tâm, cơ bản không còn phòng học tạm thời, đã xóa được 3 ca từ nhiều năm nay.

Công tác xã hội hóa giáo dục được triển khai đạt kết quả bước đầu, nhiều trường dân lập, bán công và loại hình trường lớp bán trú ra đời hoạt động có hiệu quả.

Hoạt động khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường tập trung điều tra cơ bản và ứng dụng tiên bộ kỹ thuật vào sản xuất, làm cơ sở khoa học để xây dựng các dự án sản xuất và hoạch định chủ trương chỉ đạo của tỉnh. Đã nghiên cứu và bước đầu ứng dụng có kết quả về giống, kinh tế vườn, kinh tế trang trại, sử dụng phân vi sinh, xử lý chất thải rắn. Nghiệm thu các đề tài nghiên cứu, thăm dò trữ lượng đá vôi, than bùn, nước khoáng. Việc đưa tiến bộ công nghệ thông tin vào quản lý được chú ý hơn, 5 năm qua đã đầu tư gần 6 tỷ đồng để trang bị các thiết bị tin học và đào tạo 650 học viên của các Sở, ngành, huyện, thị. Công tác thanh tra chất lượng, kiểm định đo lường và bảo vệ môi trường ngày càng được quan tâm.

Hoạt động văn hóa - nghệ thuật, thông tin đại chúng phát triển cả về thể loại, nội dung và hình thức. Chương trình đưa văn hóa về cơ sở, phủ sóng phát thanh truyền hình được tổ chức thực hiện khá tốt, đã đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin và hưởng thụ văn hóa của các tầng lớp nhân dân, góp phần tích cực trong tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, giáo dục truyền thống cách mạng, đấu tranh chống tiêu cực, văn hóa độc hại và tệ nạn xã hội. Công tác vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, áp văn hóa đạt kết quả khá tốt, đến năm 2000, có hơn 50% số hộ đạt tiêu chuẩn. Các di tích lịch sử, di sản văn hóa được bảo tồn, tôn tạo có tác dụng giáo dục truyền thống và thu hút khách tham quan, du lịch.

Kỷ niệm các ngày lễ lớn, tết... được các cấp, các ngành phối hợp tổ chức thực hiện chu đáo, đạt kết quả tốt. Đặc biệt là tỉnh đã tổ chức được 2 cuộc Hội thảo khoa học lịch sử về đánh bại cuộc càn Junction City và chiến thắng Tua Hai, tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm 40 năm chiến thắng Tua Hai, 25 năm giải phóng miền Nam, giải phóng Tây Ninh tạo ấn tượng tốt trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, có tác dụng giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ.

Hoạt động thể dục thể thao bước đầu phát triển theo hướng xã hội hóa, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường. Phong trào rèn luyện thân thể phát triển khá mạnh ở các địa phương, các trường học và trong lực lượng vũ trang. Đến năm 2000 số người

thường xuyên tham gia tập luyện thể dục thể thao đạt 12% dân số, có 67,49% trường học thực hiện chương trình giáo dục thể chất có nền nếp, hơn 50% đơn vị cơ quan có phong trào thể dục thể thao trong cán bộ, công chức. Có bước tiến bộ hơn trong việc đào tạo, xây dựng đội ngũ vận động viên thể thao thành tích cao.

3- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định; thế trận an ninh nhân dân và quốc phòng toàn dân được củng cố, công tác quân sự địa phương đi vào nền nếp; tuyên truyền và thực thi pháp luật tốt hơn.

Được sự quan tâm thường xuyên của các ngành, các cấp mà nòng cốt là lực lượng vũ trang, tỉnh đã xây dựng được phong trào quần chúng bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, liên tục đấu tranh, trấn áp, truy quét tội phạm và các tệ nạn xã hội ; đã phát hiện, ngăn chặn kịp thời nhiều vụ án lớn. Thực hiện các chương trình quốc gia phòng chống tội phạm có kết quả. An ninh nông thôn đảm bảo. Thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được củng cố, lực lượng vũ trang được xây dựng ngày càng vững mạnh.

Trên địa bàn biên giới tuy còn diễn biến phức tạp, nhưng các ngành chức năng phối hợp với địa phương tổ chức bảo vệ tốt, tình hình cơ bản ổn định ; tình trạng xâm nhập bất hợp pháp, bắt người tống tiền, cướp có vũ trang, buôn lậu, xâm canh giảm so với trước. Việc triển khai xây dựng huyện, xã biên giới vững mạnh toàn diện, tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, bố trí dân cư hợp lý, cùng với việc củng cố các đồn biên phòng, tổ chức phối hợp các lực lượng đứng chân trên biên giới, tăng cường quan hệ hợp tác giữa ta và Campuchia ngày càng gắn bó, đề cao cảnh giác, kiên quyết, khôn khéo trong đối phó, không để xảy ra căng thẳng đã góp phần quan trọng bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ ; giữ biên giới hòa bình, hữu nghị.

Công tác quân sự địa phương đã trở thành nền nếp, chất lượng ngày càng được nâng lên. Tổ chức diễn tập, huấn luyện lực lượng thường trực, lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ được tổ chức thường xuyên và đạt yêu cầu. Phong trào bộ đội về làng kết hợp huấn luyện và làm công tác vận động quần chúng được tổ chức thường xuyên và có kết quả. Tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ hàng năm đạt chỉ tiêu, chất lượng ngày càng được nâng lên.

Công tác tuyên truyền pháp luật được đẩy mạnh nên việc thực thi pháp luật tốt hơn. Đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu và gian lận thương mại được quan tâm nên tình hình buôn lậu, gian lận thương mại lắng xuống, số vụ tham nhũng giảm nhiều. Các vụ bị phát hiện được xử lý kịp thời. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngày càng tốt hơn, xử lý kịp thời các vụ khiếu tố có tính chất bức xúc, đông người, không để xảy ra điểm nóng.

4- Hệ thống chính quyền, đoàn thể các cấp được từng bước đổi mới, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy, khối đoàn kết toàn dân được mở rộng.

Hội đồng nhân dân các cấp từng bước đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động nên thực thi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tốt hơn, dân chủ trong cử tri được mở rộng.

Công tác xây dựng chính quyền được đặc biệt quan tâm và từng bước thực hiện cải cách hành chính, trước hết là cải cách thủ tục hành chính theo mô hình "một cửa" đạt kết quả bước đầu. Bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cơ sở được củng cố, sắp xếp lại hợp lý hơn; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân định cụ thể, rõ ràng hơn; việc quản lý biên chế, quỹ lương ngày càng đi vào nền nếp. Việc tuyển dụng, quản lý cán bộ, công chức bảo đảm theo quy định và tiêu chuẩn. Tỉnh đã ban hành quy định tạm thời về chính sách đào tạo, thu hút nhân tài, thúc đẩy công tác đào tạo, học tập nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn cho cán bộ tốt hơn. Việc thực hiện các quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế dân chủ trong cơ quan, đơn vị, trong doanh nghiệp Nhà nước bước đầu tạo được chuyển biến mới trong cán bộ, công chức và nhân dân.

Mặt trận và các đoàn thể có nhiều cố gắng trong đổi mới nội dung và phương thức hoạt động nên củng cố được tổ chức, tập hợp được quần chúng, phát triển được nhiều phong trào Nhà nước và nhân dân cùng làm, mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, đời sống nhân dân được nâng lên, dân chủ được phát huy nên đại bộ phận nhân dân tin tưởng và gắn bó với Đảng, hăng hái thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Khối đại đoàn kết toàn dân được mở rộng, khối liên minh công nông và trí thức được củng cố. Lực lượng công nhân viên chức, người lao động được quan tâm bảo vệ quyền lợi chính đáng, được bồi dưỡng, nâng cao nhận thức chính trị và nghiệp vụ; hoạt động của Liên đoàn lao động các cấp ngày càng mở rộng và gắn bó với công nhân lao động hơn; đã tập hợp và hình thành được đội ngũ công nhân trẻ, có trình độ ở một số ngành nghề; tổ chức được phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội. Hội Nông dân từng bước đổi mới hoạt động, đã động viên đông đảo nông dân ra sức lao động, nhạy bén ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, góp phần to lớn vào việc phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp thanh niên đã phát động và chỉ đạo phong trào thanh niên giữ nước, tuổi trẻ lập nghiệp, hiến máu nhân đạo...có kết quả, góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Phong trào phụ nữ có những chuyển biến mới, tập trung giáo dục nâng cao kiến thức, đời sống và việc làm, tập hợp phụ nữ vào tổ chức, tạo điều kiện chăm lo, bảo vệ quyền lợi, quyền bình đẳng của giới tốt hơn. Hội Chữ thập đỏ được củng cố, có nhiều hoạt động nhân đạo góp phần chăm lo đời sống nhân dân. Hội Cựu chiến binh, lực lượng hưu trí, Hội người cao tuổi đã thể hiện là lực lượng nòng cốt trong các phong trào ở địa phương, có tác dụng trong việc nêu gương, giáo dục cho thế hệ trẻ. Các thành phần kinh tế dân doanh phấn khởi với những chủ trương, chính sách mới, mạnh

dạn hơn trong đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước được quan tâm quán triệt và thực hiện ngày càng tốt hơn ; bảo đảm thực hiện quyền tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng của công dân. Bên cạnh việc tạo điều kiện cho tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật như cấp pháp nhân cho đạo Cao đài phái Tây Ninh, xây dựng các cơ sở thờ tự, tổ chức lễ hội, sinh hoạt của các tôn giáo bình thường, đã kịp thời phát hiện những âm mưu lợi dụng tôn giáo để phá hoại, gây chia rẽ đạo đời, ngăn chặn các hoạt động truyền đạo trái phép, giúp đông đảo tín đồ, chức sắc thông hiểu chính sách, chủ trương của Đảng, Nhà nước, hiểu rõ thủ đoạn của bọn xấu, an tâm, gắn bó với cộng đồng, tham gia các phong trào, góp công góp sức thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà, làm cho "tốt đời đẹp đạo", "nước vinh đạo sáng".

Đồng bào các dân tộc ít người được quan tâm chăm sóc, nâng dần đời sống vật chất, tinh thần nên hòa nhập tốt hơn vào cộng đồng.

5- Thực hiện xây dựng, chỉnh đốn Đảng đạt kết quả bước đầu quan trọng. Phương thức lãnh đạo của Đảng được từng bước đổi mới; năng lực và sức chiến đấu của cán bộ, đảng viên được nâng lên.

Nhiệm kỳ qua, công tác xây dựng Đảng được tiếp tục đặt thành nhiệm vụ then chốt. Các Nghị quyết Trung ương, Nghị quyết Tỉnh ủy được tổ chức thực hiện nghiêm túc. Đặc biệt là thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình, phê bình theo tinh thần Nghị quyết TW5, TW6 (lần 2) khóa VIII ở tỉnh đạt được kết quả bước đầu quan trọng.

Nhìn chung, qua cuộc vận động, nhận thức về quan điểm, đường lối đổi mới của các tổ chức Đảng và đảng viên được nâng lên. Nhiều tập thể và cá nhân đánh giá đúng đắn thực chất thành tựu để phát huy, làm rõ các khuyết điểm, thiếu sót, nguyên nhân và địa chỉ cụ thể để có biện pháp sửa chữa, khắc phục. Sau kiểm điểm, nhiều vấn đề khác nhau được làm rõ trên tinh đồng chí, vì lợi ích chung, thái độ tiếp thu và sửa chữa khuyết điểm tốt nên đảm bảo nội bộ đoàn kết thống nhất hơn; các công việc nổi cộm, bức xúc qua kiểm điểm được tập trung lãnh đạo giải quyết; cán bộ vi phạm bị xử lý kịp thời, nghiêm minh; phương pháp, phong cách, lề lối làm việc có tiến bộ hơn; từ đó tạo thêm sinh khí mới, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng và cán bộ, đảng viên.

Công tác xây dựng cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh được duy trì thành nền nếp và ngày càng có chất lượng. Nguyên tắc tập trung dân chủ được tuân thủ nghiêm ngặt. Phương thức lãnh đạo của Đảng được từng bước đổi mới, sâu sát, gần gũi với quần chúng, mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân được củng cố.

Công tác tư tưởng có nhiều chuyển biến tích cực. Kịp thời triển khai, gắn triển khai quán triệt với việc xây dựng kế hoạch, chương trình hành động và kiểm tra việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng. Hoạt động thông tin, tuyên

truyền, cô đọng phong phú, đa dạng, nhanh nhạy hơn ; phương tiện được hiện đại hóa một bước; nội dung, hình thức có nhiều đổi mới tiến bộ, hiệu quả. Cán bộ, đảng viên an tâm và tin tưởng vào sự lãnh đạo, vào đường lối của Đảng. Trường Chính trị tỉnh, các Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị được củng cố, chất lượng, số lượng đào tạo được nâng lên.

Công tác tổ chức - cán bộ, công tác đảng viên có nền nếp, chặt chẽ, đúng quy trình. Toàn tỉnh đã hoàn thành việc quy hoạch cán bộ chung và của từng ngành giai đoạn 2001 - 2005 và 2006 - 2010; từng bước tiến hành điều chỉnh bổ sung quy hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm theo quy hoạch. Việc điều động, đề bạt, bổ nhiệm, bố trí cán bộ, giới thiệu nhân sự bầu cử, ứng cử trong Đảng, chính quyền, đoàn thể được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình. Công tác chính sách cán bộ được quan tâm và thực hiện ngày càng tốt hơn. Tổ chức bộ máy được sắp xếp, kiện toàn, củng cố theo hướng tinh gọn; khối Đảng tỉnh đã được sắp xếp lại theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII). Cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh hàng năm đều tăng, bình quân mỗi năm tăng 3,67% ; số cơ sở Đảng yếu kém giảm từ 4,73% (năm 1995) xuống còn 2,6% (năm 2000). Qua phân tích chất lượng đảng viên hàng năm cho thấy chất lượng đảng viên được nâng lên, đại bộ phận cán bộ đảng viên giữ được phẩm chất, đạo đức, có lối sống trong sạch, lành mạnh. Công tác phát triển đảng viên được đẩy mạnh, có chú ý phát triển đảng trong đội ngũ giáo viên, cán bộ khoa học - kỹ thuật, vùng tôn giáo, biên giới. Công tác phát triển Đảng tăng bình quân hàng năm 17%, hiện nay tổng số đảng viên toàn tỉnh có 14.927 đảng viên, tăng 3.966 đảng viên so với năm 1995.

Công tác kiểm tra được chỉ đạo và tổ chức thực hiện chặt chẽ, nền nếp, đúng Điều lệ Đảng quy định. Việc kiểm tra, xác minh, kết luận và xử lý tổ chức Đảng, đảng viên vi phạm kịp thời, bảo đảm nguyên tắc thủ tục ; giải quyết có kết quả các tố cáo, khiếu nại. 5 năm qua, đã kiểm tra và thi hành kỷ luật 973 đảng viên, 11 tổ chức Đảng, nội dung sai phạm chủ yếu là do làm trái chính sách chế độ (47%); thiếu trách nhiệm và chấp hành nghị quyết, chỉ thị không nghiêm (36%) ; đạo đức lối sống (23%). Chất lượng hoạt động của y ban Kiểm tra các cấp ngày càng tiến bộ. Trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất của đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra được nâng lên.

II- TỒN TẠI VÀ YẾU KÉM:

1- Cơ cấu kinh tế tuy chuyển dịch đúng hướng nhưng còn chậm, tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp và dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và còn chiếm tỷ trọng thấp trong GDP; năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hóa vừa thấp vừa chưa gắn với thị trường nên nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, nhịp độ tăng trưởng kinh tế giảm dần. Nhiều chỉ tiêu kinh tế (tốc độ tăng trưởng kinh tế, GDP bình quân đầu người, cơ cấu kinh tế, xuất nhập khẩu, huy động từ GDP vào ngân sách...) thực hiện không đạt mục tiêu Đại hội VI đề ra.

Đầu tư phát triển 3 năm gần đây, đặc biệt là đầu tư nước ngoài giảm mạnh, đang ảnh hưởng đến tốc độ phát triển cho những năm sau.

Nhiều lĩnh vực, nhiều ngành tuy có tăng nhưng chất lượng không cao; sản xuất kinh doanh đang gặp khó khăn vì năng suất, chất lượng thấp, giá thành cao, thị trường tiêu thụ sản phẩm thu hẹp; giá cả giảm thấp, một số ngành cả người sản xuất và người chế biến đều lỗ.

- Sản xuất nông nghiệp vẫn chưa thoát khỏi khó khăn lớn nhất là thị trường tiêu thụ và giá cả bất lợi. Ngoài nguyên nhân do tác động cung cầu trên thị trường thế giới và trong nước cần thấy rõ nguyên nhân chính là do năng suất và chất lượng nông sản phẩm của ta còn quá thấp, chưa đủ sức cạnh tranh. Trình độ canh tác nông nghiệp nhìn chung còn lạc hậu, chế độ phân bón, phòng trừ sâu bệnh chưa tốt, tiến bộ khoa học-công nghệ chậm được ứng dụng trên diện rộng, dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp kém phát triển, công tác dự báo, hướng dẫn còn nhiều yếu kém nên cơ cấu cây trồng, vật nuôi chuyển dịch chậm, một số cây trồng chính phát triển không như dự kiến (mía 26.000/40.000 ha, mì 24.000/15.000 ha, cao su 28.000/30.000 ha, đậu phộng 60.000/100.000 tấn); chăn nuôi chiếm tỷ trọng thấp và phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, các dự án quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng được triển khai nhưng hiệu quả chưa cao.

- Sản xuất công nghiệp còn thiếu nhiều yếu tố và cơ sở cho sự phát triển lâu dài, bền vững, đặc biệt là chất lượng sản phẩm chưa đủ sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới. Doanh nghiệp Nhà nước, trang thiết bị, công nghệ nhìn chung còn lạc hậu. Nguồn vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp chưa đủ sức cơ cấu lại nền kinh tế. Giá thành sản phẩm còn cao, thị trường không chấp nhận, tồn đọng lớn. Sản lượng sản xuất tuy tăng nhưng hiệu quả thấp, nhiều doanh nghiệp bị lỗ nặng, rất khó khăn trong phát triển và hội nhập, ảnh hưởng xấu đến các ngành, lĩnh vực khác.

- Nhiều tiềm năng lớn về đất đai, lao động, du lịch, biên giới, phát triển công nghiệp sau đường, bột mì, cao su... chưa được khai thác tốt. Thiếu các dự án và giải pháp khả thi để khai thác các nguồn vốn. Đầu tư xây dựng cơ bản còn nhiều vướng mắc, thủ tục rườm rà phức tạp, năng lực quản lý và tổ chức thi công yếu, thường làm chậm, không đạt chỉ tiêu đề ra, còn một số công trình chất lượng thấp, việc giám sát chất lượng công trình còn xem nhẹ.

Cơ chế, chính sách chưa thật thông thoáng, môi trường đầu tư chưa thật hấp dẫn, còn thiếu các biện pháp khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế thật cụ thể và đủ liều lượng, nên chưa tháo gỡ được khó khăn, chưa thu hút mạnh vốn đầu tư cả trong và ngoài nước. Khu công nghiệp Trảng Bàng, khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài tiến độ thực hiện chậm. Cơ cấu nguồn thu ngân sách vẫn thiếu căn cơ, chưa có nguồn thu lớn và ổn định từ sản xuất; chính sách thuế và cơ chế hành thu còn bất cập, dễ tùy tiện và tiêu cực, quản lý đối tượng thu còn lỏng lẻo, sơ hở, vừa thất thu, vừa lạm thu. Chi ngân sách có mặt, có công trình còn thất thoát, lãng phí. Quản lý tài sản - tài

chính chưa chặt chẽ. Quy mô tín dụng cho cả nền kinh tế còn nhỏ bé (tổng dư nợ chưa được 1.000 tỷ đồng), chưa đủ sức thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh.

Quan hệ sản xuất mới chậm được định hình. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của kinh tế Nhà nước chưa cao, sức cạnh tranh yếu, số làm ăn thua lỗ còn nhiều, sau sắp xếp chậm củng cố và lành mạnh hóa tài chính, cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước thực hiện chậm. Kinh tế hợp tác được tổ chức lại nhưng phát triển chậm, lúng túng trong biện pháp, chính sách xây dựng theo mô hình mới. Kinh tế tư nhân còn trầm lắng, kinh tế hộ nông dân, kinh tế trang trại chưa phát huy hết tiềm năng.

Đầu tư nước ngoài 3 năm gần đây giảm sút mạnh ; các dự án mới thường có quy mô vốn đăng ký nhỏ; trong số dự án đã đăng ký có nhiều dự án không triển khai được phải rút vốn. Đến nay, có 4 dự án với số vốn 58,25 triệu USD không triển khai được đã bị rút giấy phép.

2- Nhiều vấn đề xã hội bức xúc và gay gắt chưa được giải quyết tốt. Xã hội hóa một số mặt còn chậm.

Sự phân hóa giàu nghèo giữa các tầng lớp nhân dân, giữa các vùng còn lớn ; đời sống một bộ phận nhân dân, nhất là ở biên giới, vùng sâu còn nhiều thiếu thốn, khó khăn. Toàn tỉnh hiện có 1,89% hộ nghèo theo chuẩn cũ của Trung ương (theo chuẩn mới của Trung ương là 8,05%) nhưng tập trung ở 29 xã nông thôn, biên giới. Lực lượng lao động chưa có việc làm khoảng 5% và đang có chiều hướng gia tăng; thời gian sử dụng lao động ở nông thôn còn thấp, chủ yếu là lao động thời vụ.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao xã hội hóa chậm và còn nhiều mặt yếu kém. Chất lượng giáo dục vùng nông thôn, biên giới vẫn còn thấp; chậm khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, học sinh bỏ học giữa chừng. Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe chưa đáp ứng nhu cầu của nhân dân; triển khai thực hiện chủ trương bảo hiểm y tế cho người nghèo chưa nhiều; việc mua bảo hiểm xã hội cho người lao động trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh thực hiện chưa tốt ; chi phí học hành, khám chữa bệnh đã trở thành gánh nặng không vượt qua nổi của nhiều gia đình ; thái độ trách nhiệm, y đức trong điều trị bệnh ở một số nơi còn kém. Nội dung, chất lượng, loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ chưa phong phú, đa dạng. Phong trào rèn luyện thân thể chưa đều khắp, thể thao thành tích cao ở một số môn có chiều hướng giảm sút, việc phát hiện và đào tạo năng khiếu còn nhiều yếu kém.

Sự chênh lệch tiền lương, thu nhập giữa các khu vực còn quá lớn, đời sống một số cán bộ, công chức khu vực hành chính sự nghiệp còn khó khăn. Các tệ nạn xã hội, tình trạng trẻ em bị xâm hại, nghiện hút, làm trái pháp luật đang có chiều hướng gia tăng. Đấu tranh chống mê tín dị đoan, bài trừ văn hóa độc hại, suy thoái đạo đức, lối sống hiệu quả đạt được chưa cao.

Công tác quản lý, bảo vệ môi trường còn nhiều mặt yếu kém, bất cập. Chưa ngăn chặn có hiệu quả việc phá rừng, nhiều cơ sở sản xuất chưa có biện pháp bảo vệ môi trường, một số cơ sở sản xuất đang gây ô nhiễm môi trường nặng. Việc xử lý

chất thải khu vực đông dân, đặc biệt là chất thải rắn, nước thải ở bệnh viện, trạm xá chưa tốt.

3- An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn những nhân tố phức tạp, gây mất ổn định. Kỷ cương, phép nước trên một số lĩnh vực chưa nghiêm.

Các nhen nhóm chính trị phản động tiếp tục xây dựng lực lượng và hoạt động "diễn biến hòa bình" dưới nhiều hình thức. Trên địa bàn tỉnh còn để xảy ra một số vụ rải truyền đơn, tờ rơi có nội dung xấu, phản động.

Tình hình biên giới tiếp tục diễn biến phức tạp, tình hình xâm canh có lúc diễn ra liên tục, đồng loạt, có hệ thống trên toàn tuyến biên giới. Lực lượng đứng chân trên biên giới phối hợp còn chưa chặt chẽ, quản lý còn sơ hở, phát hiện không kịp thời; một số vụ buôn bán chất ma túy, mang tài liệu phản động lọt vào nội địa; vi phạm quy chế xuất nhập cảnh có chiều hướng gia tăng; buôn lậu trên biên giới chưa được ngăn chặn triệt để.

Tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội còn nhiều diễn biến đáng lo ngại. Trọng án, tai nạn giao thông, trộm cướp, mại dâm, ma túy, HIV/AIDS chưa được kéo giảm và luôn là mối quan tâm hàng ngày của nhân dân. Công tác chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa đạt yêu cầu. Thực hiện các quy chế dân chủ ở cơ sở còn hạn chế, quyền làm chủ của nhân dân có những mặt còn bị vi phạm. Các hoạt động truyền đạo trái phép chưa được ngăn chặn triệt để.

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân còn tồn đọng nhiều, một số quyết định đúng của cấp trên, nhất là các quyết định về giải quyết tranh chấp đất đai chậm được thực hiện và quyết định sai cũng chậm sửa đổi. Công tác thi hành án dân sự luôn trong tình trạng quá tải, thực hiện chậm, một số cán bộ lợi dụng chức trách để tiêu cực.

4- Hệ thống chính trị chậm đổi mới. Việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước còn nhiều mặt yếu kém.

Việc đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị và cải cách hành chính chậm nên hiệu quả hoạt động trên nhiều lĩnh vực còn thấp. Tổ chức bộ máy nhìn chung còn chồng chéo, chức năng, nhiệm vụ còn chồng chéo; cải cách hành chính chưa được tập trung lãnh đạo thực hiện cao độ, nhiều ngành, nhiều cấp chưa quan tâm đúng mức; với mức độ khác nhau trong bộ máy còn tồn tại nhiều sức ỳ, lực cản; tinh thần trách nhiệm, quan điểm và thái độ phục vụ trước Đảng, trước dân của một bộ phận cán bộ, công chức chưa tốt; đội ngũ cán bộ kế thừa hụt hẫng, cán bộ hiện có vừa thừa vừa thiếu, chưa làm tốt việc luân chuyển cán bộ, thiếu cán bộ đầu ngành, chuyên gia giỏi. Một bộ phận cán bộ, đảng viên nhận thức về công tác dân vận chưa đúng mức. Tổ chức thực hiện, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, tìm và nhân rộng mô hình chưa tốt, chưa kịp thời. Các phong trào quần chúng chưa có sức

bền và chưa vận động được đông đảo quần chúng tham gia ; chưa kết hợp tốt mục tiêu chính trị và mục tiêu kinh tế trong một số chương trình, dự án.

Công tác chính trị - tư tưởng chưa nhạy bén, tính thuyết phục chưa cao. Việc tuyên truyền, giáo dục ra nhân dân chưa sâu, nhân dân nông thôn còn thiếu thông tin, mức hưởng thụ văn hóa còn hạn chế. Công tác tư tưởng góp phần chưa nhiều, chưa đúng mức trong việc ngăn chặn, đẩy lùi tiêu cực, suy thoái đạo đức, phẩm chất, lối sống thực dụng, mặt trái cơ chế thị trường trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Công tác kiểm tra của các cấp ủy Đảng chưa chủ động phát hiện sai phạm tại chỗ để ngăn ngừa. Chất lượng và hiệu quả kiểm tra còn hạn chế. Chưa kịp thời sơ kết, tổng kết tìm nguyên nhân sai phạm có tính phổ biến trong từng thời gian của cán bộ, đảng viên để tăng cường chỉ đạo, giáo dục ngăn ngừa và đề xuất sửa đổi bổ sung cơ chế chính sách phù hợp. Một số vụ việc còn buông lỏng, làm chậm, xử lý chưa nghiêm minh.

III- TỔNG QUÁT - NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM:

Nhìn tổng quát, nhiệm kỳ (1996 - 2000) Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta đã không ngừng nỗ lực, phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thách thức do sự tác động của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực và diễn biến phức tạp của thời tiết, tiếp tục đạt được những thành tựu quan trọng. Đó là:

Nền kinh tế cơ bản ổn định và tiếp tục tăng trưởng với tốc độ khá cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Sản xuất nông nghiệp và công nghiệp gắn với nhau cùng phát triển, giải quyết cơ bản mâu thuẫn mất cân đối giữa sản xuất và chế biến, hình thành được một số vùng chuyên canh theo hướng sản xuất lớn. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư, phục vụ tích cực cho sản xuất và đời sống, làm thay đổi bộ mặt nông thôn và biên giới, kéo giảm được sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị. Đời sống nhân dân được cải thiện và nâng lên. Nhiều vấn đề bức xúc của xã hội (việc làm, xóa đói giảm nghèo, tệ nạn xã hội...) được quan tâm giải quyết. An ninh quốc phòng ổn định, giữ được biên giới hòa bình, hữu nghị và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường được quan hệ hợp tác giữa ta và Campuchia ngày càng gắn bó hơn. Hệ thống chính trị được tiếp tục sắp xếp, củng cố, cơ bản hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Những thành tựu này tạo thêm thế và lực mới cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Song, tồn tại và yếu kém cũng còn lớn.

Nổi lên là năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh còn thấp. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế giảm dần. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, tốc độ phát triển công nghiệp và dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu, còn chiếm tỷ trọng thấp trong GDP. Nhiều tiềm năng chưa được khai thác tốt. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, nâng cao trình độ dân trí, công tác đào tạo, thu hút vốn đầu tư, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.... chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Một số cân đối lớn về kinh tế - xã hội

chưa vững chắc. Còn nhiều vấn đề xã hội bức xúc cần tiếp tục quan tâm giải quyết, đặc biệt là giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, phòng chống tệ nạn xã hội, các loại tội phạm. Kỷ cương chưa nghiêm, sức ỳ trong bộ máy cán bộ còn lớn, một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về đạo đức, lối sống. Chất lượng lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước các cấp chưa đáp ứng yêu cầu, đặc biệt là trong cụ thể hóa và sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, rút ra mô hình tốt để nhân rộng. Chất lượng hoạt động các cơ quan tham mưu, cơ quan chuyên môn chưa cao, cải cách hành chính chậm, bộ máy cán bộ chưa ngang tầm nhiệm vụ.

Nguyên nhân:

Đạt được những thành tựu trên là do có đường lối đổi mới của Đảng ; sự nỗ lực của nhân dân, của các cấp, các ngành; quan điểm, tự tưởng của Đảng bộ tỉnh trong vận dụng, cụ thể hóa đường lối đổi mới, các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng đúng đắn, phù hợp, sát thực tế, được nhân dân đồng tình ủng hộ; cơ sở vật chất kỹ thuật được xây dựng trước đây tiếp tục phát huy tác dụng, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Nguyên nhân của tồn tại và yếu kém: Về khách quan là do bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực và thời tiết diễn biến phức tạp, cơ chế chính sách có mặt chưa hợp lý. Về chủ quan là do việc tổ chức thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng chưa tốt, thường làm chậm trễ, lúng túng trong đề ra biện pháp thực hiện có tính khả thi, đột phá và sơ kết, tổng kết rút ra mô hình tốt để nhân rộng chưa nhiều ; tổ chức cán bộ còn nhiều mặt yếu kém, bất cập, một bộ phận tha hóa biến chất; sự điều hành vĩ mô, trách nhiệm quản lý Nhà nước còn nhiều hạn chế, việc quản lý sản xuất kinh doanh thiếu nhạy bén, năng động, tâm lý ngán ngại, co thủ tăng ; cải cách hành chính tiến hành chậm, kém hiệu quả ; tập trung, dân chủ, kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện nhiệm vụ còn yếu; và do khi xây dựng các chỉ tiêu, ta chú ý nhiều đến mặt thuận lợi, chưa lường hết các khó khăn, dự báo hết những mặt không thuận lợi, những yếu kém vốn có của nền kinh tế nên đặt các nhiệm vụ chỉ tiêu kinh tế quá cao.

Trên cơ sở đánh giá 5 năm (1996 - 2000) đã cho Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta nhiều kinh nghiệm quý báu. Những kinh nghiệm từ các đại hội Đảng trước đây, nhất là Đại hội nhiệm kỳ VI của Đảng bộ tỉnh vẫn còn nguyên giá trị. Đại hội lần này nhấn mạnh một số bài học kinh nghiệm chủ yếu :

1- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng là nhân tố quyết định. Phải luôn coi công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt; thực hiện tự phê bình, phê bình nghiêm túc để xây dựng nội bộ đoàn kết thống nhất. Không ngừng nâng cao năng lực, trí tuệ và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng và đảng viên. Không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo. Thường xuyên quan tâm xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Phải nắm chắc chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng; thống nhất nhận thức và hành động; vận dụng sáng tạo, đúng đắn đường lối, quan điểm đổi mới của

Đảng phù hợp với thực tiễn và đúng định hướng xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa quyết định cho việc thực hiện thắng lợi mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ đã đề ra.

Phải chú trọng đúng mức công tác dự báo, hướng dẫn, nắm tình hình, xử lý thông tin, biết nắm và chớp lấy thời cơ; đồng thời tăng cường kiểm tra, đôn đốc, từng thời gian có sơ kết, tổng kết, phát hiện và nhân rộng điển hình.

2- Tiến hành đổi mới phải dựa vào nhân dân. Vì vậy, phải nắm vững quan điểm quần chúng, nắm dân bằng tổ chức, qua đó phát huy sức mạnh của toàn dân. Đồng thời, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân dân làm giàu chính đáng là để dân giàu, nước mạnh.

3- Phải hết sức chăm lo đào tạo, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người trong suốt quá trình vận động cách mạng. Trước hết phải đánh giá, bố trí cán bộ đúng, gắn với quản lý chặt cán bộ; đồng thời phải tạo nguồn, quy hoạch đào tạo đội ngũ kế thừa vừa hồng vừa chuyên; và có chính sách đãi ngộ thích đáng đối với chuyên gia giỏi, cán bộ khoa học đầu đàn.

PHẦN THỨ HAI

MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỜI KỲ 2001 – 2005

I- THUẬN LỢI VÀ THỜI CƠ - KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC.

1/- Thuận lợi và thời cơ:

- Những thành tựu và kinh nghiệm qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI Đảng bộ tỉnh là tiền đề quan trọng để bước vào thời kỳ 2001 - 2005. Đảng bộ tỉnh đã có kinh nghiệm trước khó khăn, thách thức qua từng thời kỳ, đặc biệt là trong cơn khủng hoảng tài chính - tiền tệ vừa qua.

- Tỉnh ta có nhiều thuận lợi để phát triển nhanh kinh tế - xã hội. Về vị trí ở gần khu vực kinh tế trọng điểm phía nam và là địa bàn thông thương giữa các trung tâm kinh tế, thương mại trong khu vực, giữa nước ta và nước bạn Campuchia. Nhiều nguồn lực lớn còn dạng tiềm năng chưa khai thác hết như lao động, đất đai, biên giới, nguồn nước, du lịch... nếu khai thác đúng mức sẽ tạo ra sự phát triển nhanh chóng.

- Tiến bộ khoa học, công nghệ đang diễn ra nhanh chóng, nếu nắm bắt kịp thời, khai thác, ứng dụng tốt sẽ thúc đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Lợi thế của tỉnh ta là nhân dân có truyền thống tự lực tự cường, có kinh nghiệm, cần cù trong lao động sản xuất, rất nhanh nhạy trong việc tiếp cận và ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống.

- Tình hình kinh tế khu vực đang phục hồi và phát triển, cùng với xu hướng hội nhập, hợp tác kinh tế quốc tế và khu vực của nước ta, có khả năng tạo cơ hội cho việc gọi đầu tư và mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế đối với tỉnh ta.

2/- Khó khăn và thách thức:

- Xuất phát điểm của nền kinh tế tỉnh ta thấp, quy mô còn nhỏ bé, năng suất, chất lượng thấp, trình độ công nghệ còn lạc hậu, giá thành sản phẩm cao, chưa đủ sức cạnh tranh, dễ bị ảnh hưởng bởi những biến động trong và ngoài nước. Hầu hết các doanh nghiệp chưa có bước chuẩn bị trước sức ép cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và tham gia các tổ chức AFTA, WTO: Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội chưa đáp ứng yêu cầu. Các cân đối lớn còn thiếu vững chắc, nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các tỉnh trong khu vực ngày càng lớn. Cơ cấu kinh tế chưa hợp lý, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP còn thấp.

- Những vấn đề xã hội đặt ra rất bức xúc. Chất lượng nguồn nhân lực, trình độ dân trí chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Tỷ lệ thất nghiệp còn khá cao và có xu hướng tăng lên. Tệ nạn xã hội chưa được kéo giảm, các loại tội phạm phát sinh đáng lo ngại.

- Tổ chức bộ máy và cán bộ chưa ngang tầm nhiệm vụ, hụt hẫng đội ngũ kế thừa, thiếu cán bộ giỏi ở nhiều lĩnh vực ; một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái đạo đức, lối sống ; hệ thống chính trị và cải cách thủ tục hành chính chậm đổi mới cũng là lực cản không nhỏ. Nguy cơ tham nhũng, quan liêu còn gay gắt, thường xuyên đe dọa, kéo giảm sự phát triển. Mặt trái cơ chế thị trường còn tiếp tục tác động xấu đến nhiều mặt, nhiều lĩnh vực sản xuất và đời sống xã hội.

- Tình hình quốc tế và khu vực còn diễn biến phức tạp sẽ tác động xấu đến việc hoạch định và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh ta. Một bộ phận cán bộ, đảng viên còn mất cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch.

II- MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CHỈ ĐẠO.

A - Mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế, xã hội đến 2010 :

Mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 là : tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước mắt tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ cho nông nghiệp và nông thôn, phát triển mạnh công nghiệp chế biến; chọn lọc, đổi mới trang thiết bị, quy trình công nghệ một số ngành công nghiệp tiên tiến phục vụ cho ngành nông nghiệp, thương mại, dịch vụ và đáp ứng nhu cầu đời sống vật chất, văn hóa cho nhân dân, đưa tỉnh nhà thoát khỏi tình trạng kém phát triển và xây dựng nền tảng để đến năm 2020 tỉnh ta cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp phát triển bền vững. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Phát huy tốt các nguồn lực con người, giáo dục - đào tạo, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, đồng thời với giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nội địa và toàn tuyến biên giới để góp phần cùng cả nước hoàn thành tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mục tiêu tổng quát nêu trên được cụ thể hóa thành mức phấn đấu một số chỉ tiêu chủ yếu từ 2001 - 2010 như sau:

1- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 10 - 12% /năm. Trong đó:

- Các ngành nông - lâm - ngư nghiệp (gọi chung là nông nghiệp) tăng bình quân 5,5 - 6%/năm.

- Các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng (gọi chung là công nghiệp) tăng bình quân 15-18%/năm.

- Các ngành thương mại - dịch vụ (gọi chung là dịch vụ) tăng bình quân 11,8 - 13,5%/năm.

2. Dự báo GDP bình quân đầu người đến 2010 (giá cố định 1994: tỷ giá 1USD = 11.000 VNĐ) đạt 9,1 triệu đồng, tương đương 835 USD.

3- Dự báo cơ cấu kinh tế và cơ cấu sử dụng lao động:

Ngành	Cơ cấu kinh tế	Cơ cấu sử dụng lao động
- Nông nghiệp	28%	38,8%
- Công nghiệp	37%	25,7%
- Dịch vụ	35%	35,5%

4- Tỷ lệ vốn đầu tư/GDP đạt 35,7%. Tỷ lệ thu ngân sách/GDP đạt 14%.

5- Dân số trung bình đến năm 2010 dự kiến đạt 1,131 triệu người. Tỷ lệ tăng dân số còn 1,2%. Lao động qua đào tạo và có trình độ công nhân kỹ thuật trên 38%, lao động có trình độ trung học kỹ thuật trở lên trên 6%, lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên trên 2%/ lực lượng lao động.

B- Mục tiêu, quan điểm phát triển từ 2001 - 2005:

Để có cơ sở thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 như trên, bắt đầu giai đoạn từ 2001 - 2005 chúng ta phải thực hiện tốt các nội dung sau :

1- Triệt để khai thác tốt các tiềm năng và đưa tỉnh ta tiến kịp với nhịp độ phát triển chung của khu vực và cả nước, nhiệm vụ tổng quát thời kỳ 2001 - 2005 là:

"Tập trung mọi nguồn lực, trước hết là ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và thu hút các nguồn vốn đầu tư để khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế, tận dụng mọi thời cơ để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiếp tục ưu tiên đầu tư phát triển nông nghiệp - nông thôn, đồng thời quan tâm xây dựng lại thị xã, thị trấn theo quy hoạch. Phát triển nhanh công nghiệp chế biến và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đa dạng hóa ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn, tạo ra được bước

chuyển dịch nhanh về cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động ; tập trung nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh nền kinh tế để nâng dần nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức bình quân 5 năm trước. Đẩy mạnh xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Coi trọng công tác giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo định hướng XHCN. Phát huy nhân tố con người, chăm lo giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân. Bảo đảm vững chắc an ninh quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Đổi mới hệ thống chính trị để hoạt động có hiệu quả hơn. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng và đảng viên đáp ứng yêu cầu phát triển mới".

2/- Phương hướng chỉ đạo:

- Về kinh tế: Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, phải dồn sức chặn đà giảm sút, nâng dần nhịp độ tăng trưởng kinh tế bảo đảm cao hơn mức bình quân 5 năm trước; chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh nền kinh tế; phát triển sản xuất phải gắn với thị trường, sản phẩm sản xuất ra phải được thị trường chấp nhận.

+ Đến năm 2005 phấn đấu đạt cơ cấu tỷ trọng nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trong GDP tương ứng là 36% - 30% -34%.

+ GDP tăng bình quân hàng năm từ 14% trở lên.

+ Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hàng năm 8% - 8,5%.

+ Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 23 - 24%.

+ Giá trị sản xuất dịch vụ tăng bình quân hàng năm 16% - 16,5%.

+ GDP bình quân đầu người đến năm 2005 đạt 570 USD (giá cố định 1994) tăng trên 1,7 lần so năm 2000.

+ Huy động GDP vào ngân sách đến năm 2005 đạt trên 10% và tăng bình quân hàng năm 13 - 14%.

+ Đầu tư phát triển xã hội trên địa bàn hàng năm chiếm khoảng 34%-35% GDP. Chi xây dựng cơ bản từ ngân sách chiếm trên 30% tổng chi hàng năm.

+ Kim ngạch xuất khẩu 5 năm khoảng 360 - 400 triệu USD, tăng bình quân hàng năm 14- 15%. Nhập khẩu 5 năm khoảng 300 - 330 triệu USD, tăng bình quân hàng năm 16 - 17%.

- Về xã hội : Đi đôi với tăng trưởng kinh tế, từng bước giải quyết công bằng xã hội, giải quyết ngay những vấn đề bức xúc gay gắt, đảm bảo phát triển văn hóa - xã hội, chăm lo sức khỏe nhân dân, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi

trường sinh thái, cải thiện đời sống nhân dân, phòng chống có hiệu quả các tệ nạn xã hội, các loại tội phạm.

+ Phân đầu giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm 0,04%, đến năm 2005 tỷ lệ tăng dân số còn 1,32%.

+ Tạo điều kiện giải quyết việc làm hàng năm 16.000 - 17.000 lao động.

+ Hoàn thành cơ bản phổ cập trung học cơ sở ở các phường, thị trấn và trên 50% số xã còn lại vào năm 2005.

+ Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia đạt 85%, dùng nước sạch, hợp vệ sinh đạt từ 60 - 70%.

+ Đạt 5 - 6 máy điện thoại trên 100 dân.

+ Có 5 bác sĩ cho 1 vạn dân. Bảo đảm 100% trạm xá xã có bác sĩ.

+ Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 25%.

+ Xóa hộ đói thường xuyên, giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 5% theo chuẩn mới của Trung ương.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, phát triển giáo dục - đào tạo là động lực quan trọng có ý nghĩa quyết định đến việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

Mục tiêu ứng dụng khoa học - công nghệ ở tỉnh ta trước hết phải tập trung vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nhằm vừa tạo ra cơ cấu cây trồng phù hợp với nhu cầu của thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu; vừa nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí đầu vào và tăng giá trị đầu ra cho các nông sản phẩm lợi thế của tỉnh (mía, mì, cao su, đậu phộng); đồng thời phát triển nhanh chăn nuôi thành ngành sản xuất chính.

Trong công nghiệp - dịch vụ là nhằm đổi mới thiết bị công nghệ, tăng hàm lượng chất xám, nâng cao chất lượng hiệu quả, vừa hạ giá thành sản phẩm hiện có, vừa tạo thêm nhiều sản phẩm mới được thị trường chấp nhận, đảm bảo phát triển bền vững trong quá trình cạnh tranh và hội nhập.

Cần có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, các hộ sản xuất, các trang trại và các tổ chức kinh tế hợp tác đưa tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất. Có chính sách khuyến khích, thu hút nhân tài trong lĩnh vực khoa học - công nghệ. Đi đôi với phát triển kinh tế phải quan tâm đúng mức công tác quản lý, bảo vệ môi trường sinh thái; tổ chức các cuộc điều tra xã hội học làm cơ sở khoa học cho công tác lãnh đạo, quản lý xã hội.

Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, có chính sách thích hợp để đào tạo nguồn nhân lực (cả trong và ngoài nước) đáp ứng yêu cầu trong 10- 20 năm tới; trước mắt thu hút và sử dụng tốt số sinh viên đã và sắp tốt nghiệp đại học và trên đại học.

Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học đủ sức giải quyết những vấn đề đặt ra trong các chương trình, dự án phát triển.

- Bảo đảm giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; các lực lượng vũ trang sẵn sàng đối phó trong mọi tình huống. Pháp luật được tuyên truyền rộng rãi và thực thi có hiệu quả. Tiếp tục đấu tranh ngăn chặn và kéo giảm tiêu cực, tham nhũng; thực hiện tốt chủ trương tiết kiệm để tăng đầu tư phát triển.

- Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới hệ thống chính trị, tiến hành nhanh cải cách hành chính, tăng cường công tác vận động quần chúng để nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý của Nhà nước và phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân.

III- NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ GIẢI PHÁP LỚN.

1/- Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, trọng tâm là nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Phát triển công nghiệp, ưu tiên công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm; khuyến khích phát triển ngành nghề, dịch vụ đa dạng ở nông thôn; đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng phát triển khu công nghiệp Trảng Bàng, khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và có cơ chế chính sách trọng dụng nhân tài phù hợp nhằm tạo ra bước đột phá mạnh mẽ về ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất. Tiếp tục xây dựng, nâng cao kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội đủ sức thu hút đầu tư và làm nền tảng để phát triển nhanh, bền vững.

a- Nông nghiệp - nông thôn:

Chuyển đổi mạnh cơ cấu kinh tế nông thôn và cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn, ổn định các vùng chuyên canh và tăng tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp trên 18%. Tập trung ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, tạo ra sự cân đối bền vững, tích cực giữa nông nghiệp và công nghiệp chế biến, giữa sản xuất và tiêu thụ; hình thành sự liên kết nông - công nghiệp - dịch vụ - thị trường ngay trên địa bàn nông thôn. Phát triển kết cấu hạ tầng và ngành nghề ở nông thôn. Tập trung quản lý, bảo vệ vốn rừng và tổ chức trồng mới rừng đạt kế hoạch đề ra.

Tập trung vào những công việc trọng tâm sau:

- Tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, tập trung vào khâu giống với quy trình canh tác, chế độ phân bón, phòng trừ sâu bệnh thích hợp để tạo bước nhảy vọt về năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

Tiếp tục thực hiện tốt chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn; xây dựng hệ thống giao thông nội đồng trong vùng nguyên liệu; kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, từng bước đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi phía

Tây sông Vàm Cỏ, hệ thống đê bao vùng thường bị ngập úng, hệ thống tưới vùng phía Bắc tỉnh (Tân Châu, Tân Biên); tăng dần diện tích được tưới và tiêu úng.

Nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y. Đẩy mạnh nghiên cứu thực nghiệm và chuyên gia công nghệ sinh học, phương thức canh tác tiên tiến vào trồng trọt, chăn nuôi; khuyến cáo và tổ chức phòng trị sâu bệnh kịp thời, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Khuyến khích trang bị kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp, tăng dần tỷ lệ cơ giới hóa vào các khâu gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản. Phấn đấu đến năm 2005 cơ khí hóa 60%, trong đó có một phần tự động hóa trong sản xuất, thu hoạch và chế biến nông sản.

Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực, bao gồm khả năng lao động và khoa học - công nghệ cho lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn. Có chính sách khuyến khích đưa cán bộ khoa học công nghệ về cơ sở, trực tiếp tham gia sản xuất, gắn thu nhập với kết quả công hiến.

- Thực hiện chính sách ruộng đất phù hợp với sự phát triển nông nghiệp- nông thôn và công nghiệp, dịch vụ. Phân công lại lao động theo hướng chuyển dần lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp, tăng quy mô sản xuất theo hướng sản xuất lớn để từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Khẩn trương giải quyết các tranh chấp để ổn định tình hình đất đai. Quản lý việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng pháp luật, phù hợp với tiến trình phát triển công nghiệp, dịch vụ. Điều tra, phân loại các trường hợp nông dân không có đất sản xuất để có chủ trương, biện pháp giải quyết phù hợp, hiệu quả theo hướng chuyển đổi ngành nghề, phân công lại lao động, hỗ trợ khai hoang, phục hóa... không để người nông dân vừa không có đất vừa không có việc làm. Tiếp tục thực hiện việc giao đất, giao rừng, khoán rừng cho các hộ gia đình; có chính sách để người nhận rừng có thể sinh sống bằng nghề rừng.

- Phát triển mạnh các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ ở nông thôn.

Vận dụng triệt để chính sách ưu đãi đầu tư để thu hút các thành phần kinh tế tham gia phát triển công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ đa dạng ở nông thôn với nhiều quy mô. Hướng kêu gọi đầu tư chủ yếu là đầu tư trực tiếp cho nông dân sản xuất hoặc chế biến các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao, có khả năng xuất khẩu, đầu tư phát triển trang trại. Phát triển mạnh và đa dạng các dịch vụ, ngành nghề truyền thống, ngành nghề mới ở nông thôn nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ sản phẩm và cải thiện sinh hoạt nông thôn.

- Tổ chức tốt thị trường tiêu thụ nông sản quyết định tốc độ tăng trưởng và sự ổn định của sản xuất nông nghiệp; do đó phải làm tốt việc dự báo, hướng dẫn, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để tăng năng suất, chất lượng, định hướng cơ cấu cây trồng thích hợp đảm bảo sản xuất gắn với thị trường, xã hội chấp nhận chi phí, từ đó nâng dần mức thu nhập trên 1 ha. Đồng thời phải có cơ chế thông thoáng cho việc lưu

thông vật tư, nông sản với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế ; chú trọng việc phát triển các chợ, các hình thức liên kết giữa thương nghiệp Nhà nước với hợp tác xã và thương nghiệp tư nhân, khắc phục tình trạng thả nổi thị trường nông thôn.

Đối với một số mặt hàng nông sản chủ lực như mía, mì, đậu phộng, bắp, thuốc lá,... cần khuyến khích đẩy mạnh hình thức hợp đồng đầu tư - thu mua sản phẩm (có bảo hiểm giá sàn) giữa người chế biến, tiêu thụ với nông dân. Phân vùng đầu tư, có giống rải vụ để tránh ứ đọng hoặc thiếu nguyên liệu khi thu hoạch.

Khuyến khích và hỗ trợ xây dựng các quỹ bảo hiểm sản xuất dưới nhiều hình thức, nhiều thành phần tham gia để bù đắp thiệt hại khi mất mùa, giá cả bất lợi; cho nông dân vay vốn, chủ động đầu tư, thu hoạch, dự trữ để tránh thời điểm bất lợi.

- Xây dựng và phát triển mạnh kinh tế hợp tác gắn với phát triển kinh tế trang trại.

Phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ, kinh tế tiểu chủ; đồng thời tạo điều kiện và khuyến khích phát triển các hình thức kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại, trước hết ở các khâu dịch vụ cho sản xuất như vốn, vật tư, thủy lợi, làm đất, giống, bảo vệ thực vật, thú y... và chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất nhằm khai thác tốt các nguồn lực, các tiềm năng lợi thế, chú trọng phát triển các hình thức liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp Nhà nước với hộ nông dân, các hợp tác xã. Doanh nghiệp Nhà nước hỗ trợ về kỹ thuật, thị trường - nhất là thị trường xuất khẩu, hợp tác xã và hộ nông dân làm nhiệm vụ đại lý, vệ tinh cho doanh nghiệp Nhà nước.

Xây dựng các hiệp hội ngành nghề đối với các cây thế mạnh của tỉnh, hoạt động theo cơ chế tự quản, trong đó doanh nghiệp Nhà nước làm vai trò nòng cốt.

- Triển khai thực hiện tốt tổng quan lâm nghiệp. Phấn đấu trồng mới mỗi năm từ 900 - 1.000 ha rừng, đến năm 2005 đạt 57.000 ha, đẩy mạnh trồng cây phân tán để đến năm 2005 có độ che phủ 35%.

- Khẩn trương hoàn thành công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất thổ cư để ổn định đất đai, ổn định quy hoạch và có kế hoạch khai thác, sử dụng có hiệu quả.

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp tăng bình quân hàng năm 8 - 8,5%. Phấn đấu đưa tỷ trọng chăn nuôi năm 2005 chiếm trên 18% trong ngành nông nghiệp.

- Cây mía: Giữ cân đối giữa sản lượng và khả năng chế biến, hướng chính là ứng dụng đồng bộ các biện pháp thâm canh để tăng năng suất, nâng cao chất lượng để đến năm 2005 đạt 2,5 - 3 triệu tấn mía cây. Đẩy mạnh đầu tư thủy lợi, cơ giới hóa thu hoạch, áp dụng phương thức canh tác tiên tiến, thay đổi giống mới, giống rải vụ để tăng năng suất, chất lượng và phù hợp lịch trình chế biến.

- Cao su: Tiếp tục giải quyết vấn đề vốn, thị trường, chính sách, chiến lược sản phẩm đối với cây cao su, đến năm 2005 có diện tích 34.000 - 35.000 ha.

- Cây mì: Giữ diện tích chuyên canh mì khoảng 15.000 ha, thay đổi giống và đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất, tăng sản lượng để cân đối với chế biến là chính.

- Cây lúa: Ổn định diện tích lúa có năng suất cao, chuyển diện tích lúa 1 vụ, năng suất thấp sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao, thay đổi giống và thâm canh để tăng năng suất, tăng chất lượng sản phẩm. Năm 2005 đạt khoảng 550.000 tấn lúa, bình quân đầu người trên 500 kg.

- Cây đậu phộng: Phân đầu đạt sản lượng hàng năm khoảng 80.000 tấn đậu vỏ. Thay đổi giống để tăng năng suất, chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh xuất khẩu. Phát triển chế biến các mặt hàng từ đậu phộng, giảm dần tỷ lệ bán đậu vỏ, đậu nhân.

- Mở rộng diện tích và đẩy mạnh thâm canh các loại cây trồng khác như:

+ Bắp 8.000 - 10.000 ha.

+ Thuốc lá 7.000 - 10.000ha.

+ Cây ăn trái, diện tích chuyên canh từ 10.000 ha - 12.000 ha.

Từng bước hình thành vùng rau sạch để cung cấp thị trường nội tỉnh, các khu công nghiệp và xuất tỉnh. Chú ý phát triển cây lâu năm (rừng, tầm vông, tre...) để khi tiêu thụ có ưu thế cạnh tranh, khả năng mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Phát triển chăn nuôi tương xứng với tiềm năng, theo hướng từng bước tách ra khỏi trồng trọt, thành ngành sản xuất chính. Khuyến khích các thành phần đầu tư phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản không hạn chế quy mô, Nhà nước hỗ trợ giống, kỹ thuật, vốn, thú y... đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi, nghiên cứu phát triển cơ sở chế biến thịt, sữa, đồ hộp... phù hợp với yêu cầu thị trường.

b- Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp:

Đầu tư xây dựng mới đi đôi với tập trung khai thác tối đa các cơ sở hiện có; đầu tư chiều sâu để từng bước hiện đại hóa, phân đầu đạt nhịp độ tăng bình quân hàng năm 23 - 24%.

Giai đoạn 2001 - 2005 vừa tập trung xây dựng hoàn chỉnh vừa kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư hết diện tích khu công nghiệp Trảng Bàng, khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài theo quy hoạch giai đoạn I, chuẩn bị phát triển giai đoạn II, đồng thời với việc hình thành các cụm công nghiệp Bến Kéo, Trường Hòa, Tân Bình (Hòa Thành), Trâm Vàng (Gò Dầu), Chà Là (Dương Minh Châu), Thanh Điền (Châu Thành).

Hướng phát triển một số ngành chủ yếu:

- Công nghiệp chế biến: Phát triển theo hướng hiện đại hóa, sản phẩm đủ khả năng cạnh tranh và xuất khẩu. Ngoài ưu tiên đầu tư công nghiệp sau đường, bột mì,

cao su, đậu phộng, khi có điều kiện thì phát triển công nghiệp chế biến thịt, sữa, nước giải khát, rau quả, dầu thực vật, gia vị...

+ Công nghiệp mía đường: Tập trung công nghiệp sau đường (bánh kẹo, bột giấy, ván ép, phân bón, cồn, rượu, điện, thức ăn gia súc...). Nâng tổng công suất các nhà máy chế biến mía đường lên 22.000 tấn mía cây/ngày vào năm 2005, tăng 10.600 tấn so năm 2000. Đảm bảo chế biến hết sản lượng mía cây sản xuất ra.

+ Công nghiệp chế biến bột mì: Duy trì các cơ sở hiện có đồng thời đưa thêm 2 nhà máy công suất 250 tấn bột/ngày vào hoạt động cuối năm 2001 để thay thế một phần chế biến thủ công. Giữ ổn định công suất chế biến khoảng 800 tấn bột/ ngày đến cuối năm 2005. Tập trung phát triển công nghiệp sau bột (mạch nha, bột ngọt, bún...).

+ Chế biến cao su: Nâng tổng công suất chế biến đạt khoảng 31.500 tấn/năm, tăng 6.000 tấn so năm 2000. Từng bước kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp chế biến sản phẩm sau cao su. Có chiến lược sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Công nghiệp cơ khí: Tập trung đầu tư chiều sâu, phát triển ngành cơ khí phục vụ nông nghiệp, công nghiệp chế biến và các ngành công nghiệp khác. Chú ý sản xuất các loại máy công tác và phụ tùng thay thế, sửa chữa.

- Công nghiệp khai khoáng : Phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã, tăng thêm chủng loại để đủ sức cạnh tranh và xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu vào thị trường Campuchia. Đầu tư phát triển công nghiệp khai khoáng; trước mắt đầu tư khai thác nguồn nước khoáng, mở rộng khai thác than bùn từ 5.000 tấn/năm lên 50.000 tấn/năm, mở rộng sản xuất phân vi sinh từ 5.000 tấn/năm lên 30.000 tấn/năm.

- Công nghiệp khác : Phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng đa dạng theo nhu cầu của thị trường, bước đầu hình thành các cơ sở lắp ráp điện tử, tin học, tạo điều kiện phát triển mạnh các ngành này sau năm 2005.

c- Thương mại - dịch vụ:

Khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đa dạng hóa loại hình và mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh thương mại - dịch vụ ; chú ý xây dựng và phát triển các chợ ở địa bàn nông thôn, chợ biên giới, cửa khẩu ; đồng thời chỉnh trang, sắp xếp các trung tâm thương mại ở Thị xã, Thị trấn mua bán văn minh, lịch sự. Các cơ quan chức năng phối hợp chặt chẽ để kiểm soát giá cả, chất lượng hàng hóa.

Giai đoạn 2001 - 2005 tập trung xây dựng, phát triển các chợ biên giới có sức mua cao, trung tâm thương mại Thị xã, Hòa Thành ; đồng thời chuẩn bị kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật và xây dựng một số siêu thị kinh doanh tổng hợp lớn cho trục thương mại Trảng Bàng - Gò Dầu - Mộc Bài, trong đó ưu tiên là trung tâm thương mại Mộc Bài.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển thị trường trong nước và thị trường ngoài nước. Đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu để phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng thiết yếu. Các thị trường cần tập trung khai thác là ASEAN, Trung Quốc, từng bước thâm nhập thị trường Nhật, Châu Âu, Mỹ. Tập trung khai thác, sản xuất các mặt hàng xuất khẩu có giá trị kinh tế cao, tăng hàm lượng chế biến trong sản phẩm, hạn chế dần xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu thô, phấn đấu 5 năm tới đạt kim ngạch xuất khẩu 360 - 400 triệu USD. Nhập khẩu tập trung cho các mặt hàng phục vụ sản xuất, nguyên vật liệu sản xuất hàng xuất khẩu, hàng hóa gia công, linh kiện cho công nghiệp lắp ráp. Tìm hiểu và mở ra dịch vụ kho bãi, chuyển khẩu khi có điều kiện.

Đẩy mạnh đầu tư phát triển ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Xây dựng hoàn chỉnh khu du lịch Núi Bà, Tòa Thánh, hồ Dầu Tiếng, khu di tích lịch sử cách mạng miền Nam, căn cứ Trung ương Cục và các quần thể lịch sử văn hóa khác. Mở rộng và đa dạng hóa các dịch vụ phục vụ du lịch, dịch vụ vui chơi giải trí đủ sức thu hút du khách ở lại tỉnh dài ngày hơn. Đầu tư khai thác tiềm năng các khu di tích lịch sử, du lịch văn hóa, du lịch sinh thái.

Nâng cao chất lượng, khối lượng luân chuyển hàng hóa hành khách. Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn vận tải. Phát triển và thường xuyên duy tu, bảo dưỡng mạng giao thông nông thôn, giao thông nội đồng.

d- Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội:

- Nâng cấp và hoàn thiện các trục đường chính nội tỉnh, trục ngang nối với quốc lộ, liên tỉnh. Khai thác tối đa lợi thế trục đường xuyên á. Nhựa hóa tới trung tâm xã.

Giai đoạn 2001 - 2005 ưu tiên đầu tư các tuyến đường trục chính của tỉnh, các công trình trả chậm, các công trình sử dụng vốn thừa của đường Xuyên Á, vốn thừa của quỹ hỗ trợ phát triển Pháp (AFD), các tuyến giao thông cửa khẩu, vùng nguyên liệu mía, nâng cấp các tuyến đường nội thị của thị xã, thị trấn Hòa Thành và vùng Tây sông Vàm Cỏ Đông. Củng cố, mở rộng để tăng năng lực các cảng sông hiện có; nạo vét, khai thác tuyến đường thủy Vàm Cỏ Đông và sông Sài Gòn. Mở rộng hệ thống đường do huyện quản lý và phát triển nhanh hệ thống giao thông nông thôn, giao thông nội đồng. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn chương trình tài trợ giao thông nông thôn của Ngân hàng thế giới (WB).

- Củng cố, phát triển mạng lưới thủy lợi, từng bước kiên cố hóa, bê tông hóa hệ thống kênh mương. Xây dựng các trạm bơm và mở rộng mạng lưới kênh tưới cho các vùng chuyên canh mía ở phía bắc tỉnh, tập trung xây dựng các công trình tiêu úng, tạo nguồn phía tây sông Vàm Cỏ Đông; huy động mọi nguồn lực để bảo dưỡng, phát triển kênh nội đồng, xác lập mô hình quản lý thủy nông phù hợp. Kết hợp khai thác hợp lý hệ thống thủy lợi của tỉnh với công trình thủy lợi tổng hợp Phước Hòa để phục vụ sản xuất, cải tạo đất. Phấn đấu đến năm 2005 diện tích được tưới chủ động đạt trên 60.000 ha đất canh tác.

- Phát triển và nâng cấp mạng lưới điện, bảo đảm cung cấp điện đầy đủ, ổn định cho sản xuất và sinh hoạt. Phần đầu đến năm 2005 có 85% số hộ sử dụng điện lưới quốc gia.

- Bảo vệ và khai thác hợp lý nguồn nước; bảo đảm nước cho sản xuất và sinh hoạt; từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống cấp thoát nước ở Thị xã, thị trấn, các khu kinh tế, khu công nghiệp; giải quyết cơ bản tình trạng ngập úng cục bộ ở các khu dân cư. Tiếp tục thực hiện chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, chú trọng vùng phía Tây sông Vàm Cỏ Đông. Đến năm 2005 có 60- 70% số hộ dùng nước sạch và hợp vệ sinh.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin liên lạc quốc gia và quốc tế hiện đại, dung lượng lớn, chất lượng cao. Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính viễn thông, số máy điện thoại trên 100 dân đạt 5 - 6 máy.

- Về kết cấu hạ tầng xã hội, hoàn thành xây dựng trường Cao đẳng sư phạm (1.500 sinh viên), ký túc xá sinh viên của tỉnh ở thành phố Hồ Chí Minh, trường Trung học Nông nghiệp (900 học sinh), trường Trung học Phổ thông Thị xã (2.000 học sinh), trường dân tộc, phát triển các cơ sở dạy nghề, đào tạo công nhân kỹ thuật, công nhân lành nghề phục vụ khu công nghiệp và phục vụ nền kinh tế; các trung tâm y tế Hòa Thành, Thị xã, Y học dự phòng; nâng cấp các bệnh viện Gò Dầu, Trảng Bàng, Y học dân tộc; xây dựng sân vận động tỉnh (20.000 chỗ ngồi); Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu niên; các khu di tích cách mạng. Xây dựng các thị tứ, thị trấn, các cụm xã khang trang để mở rộng mạng lưới đô thị hóa ở nông thôn. Tập trung đầu tư xây dựng, chỉnh trang Thị xã theo quy hoạch mới tương xứng với vị trí là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh, xây dựng Thị xã ngày càng xanh, sạch, đẹp.

đ- Thúc đẩy chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế gắn với cơ cấu đầu tư:

Chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ đều có bước phát triển, trong đó công nghiệp và dịch vụ phát triển nhanh hơn, làm cho tỷ trọng nông nghiệp trong GDP giảm xuống, phù hợp với xu thế phát triển.

Cần tập trung đầu tư vào các lĩnh vực sau để thúc đẩy chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế:

- Ưu tiên phát triển công nghiệp sau đường, cao su, bột mì, đậu phộng, công nghiệp chế biến gắn với phát triển vùng nguyên liệu; những ngành công nghiệp ít vốn, thu hút nhiều lao động, có thị trường nội địa và xuất khẩu, thu hồi vốn nhanh; coi trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống đa dạng ở nông thôn. Đầu tư và khai thác có hiệu quả các khu công nghiệp, khu kinh tế, các cụm công nghiệp, tạo bước phát triển công nghiệp nhanh để nâng cao tỷ trọng công nghiệp trong GDP.

- Tăng tỷ lệ đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn; trọng tâm là hệ thống thủy lợi, ứng dụng giống mới, kỹ thuật canh tác tiên tiến, bảo vệ cây trồng và mạng lưới giao thông nội đồng các vùng nguyên liệu.

- Đầu tư phát triển thương mại - dịch vụ để tăng tỷ trọng trong GDP, trọng tâm là các dịch vụ đầu vào và đầu ra cho sản xuất, đầu tư mạnh cho du lịch, góp phần thúc đẩy các ngành khác phát triển và cải thiện đời sống, sinh hoạt của nhân dân.

e- Đẩy mạnh việc huy động nguồn vốn trong nước, thu hút vốn đầu tư nước ngoài và các nguồn vốn khác:

Đề đảm bảo thực hiện mục tiêu GDP tăng bình quân hàng năm trên 14% trong giai đoạn 2001 - 2005, cần phải huy động được tổng nguồn vốn đầu tư khoảng 9.000 tỷ đồng, trong đó dự kiến nguồn vốn trong tỉnh chiếm tỷ trọng 75% ; nguồn vốn nước ngoài và ngoài tỉnh chiếm tỷ trọng 25%.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển là giải pháp có tính quyết định cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Ngân sách Nhà nước phải dành trên 30% tổng chi hàng năm cho đầu tư phát triển, tập trung cho các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Lồng ghép nhiều chương trình mục tiêu để sử dụng nguồn vốn có hiệu quả. Phát triển mạnh các phong trào Nhà nước và nhân dân cùng làm trong xây dựng kết cấu hạ tầng, triển khai thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa theo Nghị quyết 90/CP.

- Vận dụng triệt để các chính sách về tín dụng. Cải tiến thủ tục tín dụng phù hợp thực tế, tăng nhanh quy mô đầu tư tín dụng ngân hàng và tín dụng ưu đãi, chuẩn bị các điều kiện để tiếp nhận và giải ngân nhanh các nguồn vốn viện trợ phát triển (ODA), Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), quỹ hỗ trợ phát triển Pháp (AFD). Bảo đảm sử dụng đúng và có hiệu quả các nguồn vốn này.

- Khuyến khích doanh nghiệp Nhà nước đầu tư phát triển chiều sâu, tăng năng lực cạnh tranh để chủ động và phát triển được trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Triển khai và tổ chức thực hiện tốt Luật khuyến khích đầu tư trong nước để huy động nguồn vốn dân cư.

- Vận dụng cơ chế, chính sách để cải thiện môi trường đầu tư đủ liều lượng hấp dẫn nhằm thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài, vốn ngoài tỉnh, phấn đấu 5 năm tới thu hút 190 - 200 triệu USD. áp dụng các hình thức đầu tư trả chậm, hình thức xây dựng - kinh doanh- chuyển giao (BOT), xây dựng – chuyển giao - kinh doanh (BTO), xây dựng – chuyển giao (BT) để tăng vốn cho đầu tư phát triển.

g- Phát triển nền kinh tế hàng hóa đan xen, hỗn hợp nhiều hình thức sở hữu và đa dạng về hình thức tổ chức kinh doanh:

Tiếp tục phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN với nhiều loại hình, nhiều thành phần kinh tế đan xen hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và môi trường kinh doanh bình đẳng.

- Đối với doanh nghiệp Nhà nước, tiếp tục sắp xếp, củng cố và đổi mới hoạt động để nâng cao hiệu quả ; đẩy mạnh cổ phần hóa ; thực hiện giao, khoán, bán, cho thuê đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ thua lỗ kéo dài; chấp nhận giải thể, phá sản các doanh nghiệp yếu kém ; hỗ trợ tích cực các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả. Làm thí điểm, nếu có hiệu quả thì tiến hành đấu thầu trọn gói các dịch vụ vệ sinh công cộng, duy tu bảo dưỡng giao thông...Củng cố bộ máy, trước hết là Ban Giám đốc các doanh nghiệp Nhà nước. Khuyến khích người lao động mua cổ phần hoặc góp vốn vào doanh nghiệp. Có cơ chế quản lý thích hợp, tách chức năng quản lý Nhà nước ra khỏi quản lý sản xuất kinh doanh; phân rõ thẩm quyền, trách nhiệm (cả vật chất) và quyền lợi của Ban Giám đốc và các thành viên trong doanh nghiệp, tạo động lực để nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Đẩy mạnh hoạt động kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã. Hợp tác với nhiều hình thức đa dạng về sở hữu, ngành nghề, lực lượng tham gia, địa bàn hoạt động và từ thấp đến cao ; tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, quản lý dân chủ. Khuyến khích phát triển các hợp tác xã kinh doanh tổng hợp đa ngành, chuyên ngành, kinh doanh dịch vụ về sản xuất, chế biến, tiêu thụ, tín dụng và các hình thức hợp tác, liên kết khác.

- Tiếp tục vận dụng cơ chế, chính sách để tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng cho các thành phần kinh tế dân doanh phát triển, yên tâm bỏ vốn đầu tư và được bảo vệ an toàn lợi ích chính đáng, lâu dài. Khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, kinh tế vườn, VAC, rừng, vườn rừng.

h- Đổi mới cơ chế quản lý:

Phải bảo đảm sự quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường, đồng thời tạo điều kiện để các thành phần kinh tế phát triển, hợp tác, cạnh tranh lành mạnh. Tăng cường vai trò hỗ trợ của Nhà nước đi đôi với kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật.

Đổi mới công tác thống kê, kế hoạch. Phải đảm bảo thông tin chính xác, kịp thời ; nâng cao chất lượng xử lý thông tin dự báo, dự đoán tình hình ; tăng cường phối hợp và phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các ngành liên quan trong xây dựng, điều hành thực hiện kế hoạch ; kịp thời xử lý những tình huống phát sinh.

Đổi mới và lành mạnh hóa hệ thống tài chính - tiền tệ. Thực hiện nghiêm các quy định về tiết kiệm trong tất cả các lĩnh vực. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định để tránh gây thiệt hại, lãng phí. Nâng cao tính khả thi của dự toán ngân sách hàng năm; nâng tỷ lệ huy động từ GDP vào ngân sách ; cân đối thu chi và có dự trữ ; tăng cường công tác kiểm toán, thanh tra, kiểm tra tài chính. Ngân hàng bảo đảm nguồn vốn để đầu tư tín dụng cho phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao năng lực, trách nhiệm thẩm

định để quyết định cho vay kịp thời, chính xác, có hiệu quả; tăng vốn cho vay trung hạn, dài hạn ; triển khai mạnh dịch vụ thu đổi ngoại tệ ở các cửa khẩu quốc gia và quốc tế trên địa bàn tỉnh.

2/- Phát triển khoa giáo - văn hóa -xã hội:

a- Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo định hướng XHCN. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc, làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, phát huy trách nhiệm của gia đình trong việc giữ gìn và lưu truyền những giá trị văn hóa dân tộc từ thế hệ này sang thế hệ khác. Phần đầu đến năm 2005 có 80% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, 50% ấp - khu phố đạt chuẩn văn hóa quốc gia, 78% xã, phường, thị trấn có Nhà văn hóa.

Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin đại chúng và các hoạt động vui chơi, giải trí đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ đời sống tinh thần của nhân dân. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, di sản văn hóa dân tộc được công nhận. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động văn hóa, văn nghệ.

Mở rộng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, phát động các phong trào thi đua yêu nước, động viên toàn dân tham gia phát triển kinh tế xã hội. Xây dựng và nhân rộng những điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực.

Vận động toàn xã hội tham gia đấu tranh ngăn chặn, bài trừ văn hóa độc hại, các tệ nạn xã hội, các hủ tục mê tín dị đoan, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, xây dựng môi trường xã hội lành mạnh.

Nâng cao nội dung chương trình và hoàn thiện phủ sóng phát thanh, truyền hình trên toàn tỉnh. Phần đầu các xã và các khu dân cư vùng sâu, biên giới đều có trạm truyền thanh. Mở rộng và hiện đại hóa mạng lưới thông tin đại chúng.

b- Mục tiêu phát triển giáo dục - đào tạo là nâng cao mặt bằng dân trí, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đào tạo nhân tài:

Tập trung thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và tổ chức thực hiện tốt việc đào tạo trong và ngoài nước để tạo nguồn cán bộ ngang tầm, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà. Tiếp tục nâng cao chất lượng giảng dạy đi đôi với khắc phục tình trạng bỏ học, suy thoái đạo đức trong học sinh; vận động và tạo điều kiện để hầu hết trẻ trong độ tuổi ở vùng sâu, biên giới, dân tộc thiểu số ra lớp. Duy trì và củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Phần đầu hoàn thành phổ cập trung học cơ sở vào năm 2005 ở các phường, thị trấn và trên 50% số xã còn lại.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, phát triển đa dạng các loại hình trường lớp. Đầu tư phát triển trường lớp tương ứng với phát triển dân số và yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực. Củng cố, nâng cao chất lượng các trung tâm đào tạo, dạy nghề; xúc tiến thành lập trường đại học dân lập để đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ.

Bổ sung, sửa đổi chính sách đào tạo và thu hút nhân tài ngày càng phù hợp, khuyến khích cán bộ khoa học - quản lý, sinh viên tốt nghiệp đại học, trên đại học về làm việc cho tỉnh.

c- Phát triển khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường:

Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất là động lực có tính quyết định để thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chú trọng phát triển mạnh công nghệ thông tin để tiếp cận nền kinh tế tri thức. Giai đoạn 2001 - 2005 tập trung nghiên cứu ứng dụng tiến bộ công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp; cơ giới hóa từng phần khâu thu hoạch cây trồng ; chuyển giao công nghệ trong lắp ráp thiết bị điện tử, tin học khi có điều kiện và hiện đại hóa trang thiết bị phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Tập trung đầu tư phát triển đội ngũ cán bộ khoa học - quản lý, có chính sách thỏa đáng cho người làm công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học. Xây dựng chiến lược bảo vệ môi trường ở tỉnh, tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời các vi phạm luật bảo vệ môi trường.

Bảo vệ môi trường tập trung vào sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, trồng rừng, trồng cây phân tán, xử lý chất thải, giải quyết tình trạng ô nhiễm do sản xuất, đặc biệt không gây ô nhiễm rạch Tây Ninh. Đến năm 2005 thu gom, xử lý được 85% rác thải ở thị xã, thị trấn; xử lý 100% rác, chất thải y tế.

d- Phát huy nhân tố con người, chăm lo giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, chăm lo sức khỏe và nâng cao đời sống nhân dân:

Tạo thêm công ăn việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp là biện pháp cơ bản để ổn định và nâng cao đời sống nhân dân. Triển khai thực hiện tốt chương trình quốc gia về giải quyết việc làm gắn với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội khác để tạo ra việc làm ; phân đầu mỗi năm giải quyết 16.000- 17.000 lao động có việc làm, đến năm 2005 giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống dưới 5%, nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 80%. Đẩy mạnh công tác đào tạo và nâng cao tay nghề cho người lao động phù hợp yêu cầu nền kinh tế, xúc tiến xuất khẩu lao động. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng lao động kỹ thuật, lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng - thương mại dịch vụ, giảm lao động nông nghiệp. Tăng cường kiểm tra việc thực thi luật lao động, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng người lao động, phát triển mạnh bảo hiểm xã hội.

Có chính sách và biện pháp đào tạo đồng bộ để nâng cao chất lượng lao động và tạo được cơ cấu lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Phân đầu tăng nhanh tỷ trọng lao động được đào tạo chiếm trong lực lượng lao động từ 13,16% (năm 2000) lên 23,12% vào năm 2005.

Hướng đào tạo cụ thể như sau:

- Lao động có trình độ sơ cấp và công nhân kỹ thuật cần được đào tạo nhanh chóng ở thời kỳ đầu để đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp, các khu công nghiệp... Phân đầu đến 2005 : có 50.000 lao động có trình độ sơ cấp, bằng 4 lần so năm 2000 và chiếm tỷ trọng 9% lực lượng lao động ; 39.000 công nhân kỹ thuật, bằng 2 lần so năm 2000 và chiếm tỷ trọng 7% lực lượng lao động.

- Lao động có trình độ trung học chuyên nghiệp đến 2005 có 25.000 lao động, bằng 1,3 lần so năm 2000 và chiếm tỷ trọng 4,56% lực lượng lao động.

- Lao động có trình độ đại học, cao đẳng trở lên đến 2005 có 13.050 lao động, bằng 1,13 lần so năm 2000 và chiếm tỷ trọng 2,38% lực lượng lao động.

Tiếp tục thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo. Nhân rộng các mô hình tương trợ, giúp nhau làm ăn trong dân cư. Nâng dần trình độ dân trí và mức sống để tránh tình trạng tái nghèo, không để phát sinh thêm hộ nghèo; đến năm 2005 xóa hộ đói, giảm hộ nghèo còn dưới 5% theo chuẩn mới của Trung ương. Chăm lo tốt hơn gia đình chính sách và gia đình có công với nước, gia đình khó khăn, người tàn tật, người già không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi, cơ nhỡ và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Tiếp tục giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ đối với các đối tượng chính sách; đảm bảo nâng cao mức sống các đối tượng này từ bằng tới khá hơn mức sống trung bình của dân địa phương trên cơ sở các nguồn của Nhà nước, cộng đồng và tự bản thân vươn lên ; giải quyết hết diện phải xây dựng nhà tình nghĩa với chất lượng đảm bảo, đồng thời với phát động mạnh mẽ phong trào xây dựng nhà tình thương rộng khắp.

Chăm sóc sức khỏe nhân dân tập trung giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, tăng chiều cao, từng bước khắc phục cơ bản các bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng, khống chế và giảm dần các bệnh dịch. Chủ động phòng chống HIV/AIDS, bệnh ung thư, huyết áp cao, tâm thần, bệnh nghề nghiệp và các bệnh xã hội. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe, có chính sách đối với người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc ít người. Quan tâm hơn công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, hạ thấp tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống dưới 25%. Nâng cao chất lượng khám, điều trị bệnh, giáo dục y đức cho đội ngũ cán bộ y tế và bồi dưỡng, đào tạo bác sĩ sử dụng các thiết bị hiện đại; kết hợp chặt chẽ giữa Đông y và Tây y. Nâng cao chất lượng phục vụ và mở rộng hoạt động bảo hiểm y tế. Củng cố và phát huy tác dụng đội ngũ bác sĩ ở tuyến xã.

Làm tốt hơn công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình để ổn định quy mô, cơ cấu dân số hợp lý gắn với việc nâng cao chất lượng dân số. Phân đầu giảm tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm 0,04%, đến năm 2005 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,32%.

Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ; tạo mọi điều kiện cho trẻ em phát triển toàn diện; giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, tật nguyền hòa

nhập với cộng đồng. Hạn chế tối đa và xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc xâm phạm quyền và nhân phẩm trẻ em.

Đẩy mạnh đầu tư và xã hội hóa thể dục - thể thao để tạo ra bước chuyển biến tích cực cả phong trào và các môn chính có thành tích cao. Phát triển cơ sở vật chất về thể dục - thể thao cho trường học và địa bàn dân cư; nâng cao chất lượng luyện tập thể thao trong các trường học. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên, cán bộ quản lý, chú trọng đào tạo năng khiếu; đầu tư có trọng tâm những môn thể mạnh của tỉnh để có thành tích cao. Phần đầu đến năm 2005 có 15-18% dân số tập luyện thể dục - thể thao, 80% trường học các cấp thực hiện giáo dục thể chất có nền nếp.

3/- Ổn định chính trị, giữ vững và tăng cường an ninh - quốc phòng :

Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên; phải huy động sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị mà nòng cốt là lực lượng vũ trang để xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc.

Đẩy mạnh công tác giáo dục quốc phòng toàn dân. Tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại. Củng cố lực lượng dân quân tự vệ và Công an xã ngày càng vững mạnh. Đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, chủ động phòng ngừa và làm thất bại các hoạt động gây mất ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tổ chức tốt lực lượng kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn và phòng chống có hiệu quả các tệ nạn xã hội; truy quét mạnh các băng nhóm tội phạm, kéo giảm trọng án, làm trong sạch môi trường xã hội, bảo đảm an ninh nông thôn và bảo vệ an toàn sản xuất. Phát huy vai trò lực lượng tại chỗ trong giữ gìn an ninh và ngăn ngừa tội phạm.

Tiếp tục xây dựng huyện, xã biên giới vững mạnh toàn diện, tập trung xây dựng các cụm dân cư, tạo điều kiện hỗ trợ để dân bám đất ổn định sản xuất. Chú trọng xây dựng các lực lượng chuyên trách làm nòng cốt bảo vệ biên giới. Phòng chống có hiệu quả nạn buôn lậu, xâm canh, xâm cư, xâm nhập trái phép. Tăng cường mối quan hệ giữa ta và Campuchia từ cơ sở đến tỉnh, mở rộng giao lưu kinh tế, văn hóa, thể thao... nhằm củng cố và phát triển quan hệ hợp tác ngày càng toàn diện, gắn bó, góp phần xây dựng biên giới láng giềng hợp tác, hòa bình, hữu nghị.

Xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân mà lực lượng vũ trang làm nòng cốt. Thường xuyên huấn luyện, diễn tập để nâng cao bản lĩnh chính trị, sẵn sàng chiến đấu. Tổ chức tốt việc gọi nhập ngũ hàng năm với chất lượng ngày càng cao. Chú ý cải thiện đời sống chiến sĩ cả vật chất lẫn tinh thần, đặc biệt là các đơn vị làm nhiệm vụ ở biên giới, vùng sâu. Kết hợp tốt giữa huấn luyện và làm công tác vận động quần chúng.

Tăng cường tuyên truyền pháp luật, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật, giải quyết tốt các khiếu nại, tố cáo của công dân, không để xảy ra các "điểm nóng":

4/- *Củng cố, mở rộng đoàn kết các tầng lớp nhân dân. Tăng cường dân chủ XHCN, tạo ra động lực thúc đẩy phong trào hành động cách mạng của nhân dân.*

Nâng cao nhận thức và thống nhất hành động trong hệ thống chính trị đối với công tác vận động quần chúng của Đảng. Phát huy hiệu quả việc thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường đào tạo, bố trí cán bộ đủ năng lực, nhiệt tình nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban Dân vận, Mặt trận, đoàn thể các cấp đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Phát huy dân chủ đồng thời với tăng cường pháp chế để giữ vững bản chất Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Thực hiện các dự án, chương trình, phong trào ; gắn mục tiêu kinh tế với mục tiêu chính trị - xã hội.

Nâng cao chất lượng hoạt động của các đảng đoàn. Định kỳ kiểm tra, làm việc với đảng đoàn và lãnh đạo Dân vận, Mặt trận, đoàn thể. Tăng cường sự phối hợp và làm rõ ranh giới, phạm vi hoạt động giữa các tổ chức đoàn thể để tập hợp hầu hết các đối tượng quần chúng vào tổ chức và bằng tổ chức.

Mặt trận Tổ quốc, bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú tăng cường mở rộng đoàn kết toàn dân, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân, phát huy các nguồn lực tạo ra phong trào thi đua yêu nước, hoàn thành các chương trình kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng tỉnh nhà và làm giàu chính đáng cho gia đình, bản thân. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân thông qua việc thực hiện các quy chế dân chủ ở cơ sở, tiếp tục xây dựng và nâng cao chất lượng khu dân cư - ấp văn hóa. Xây dựng, củng cố bộ máy Mặt trận các cấp đủ sức thực hiện vai trò, nhiệm vụ trong xu thế phát triển chung. Phát huy trí tuệ rộng rãi đội ngũ trí thức trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng tỉnh nhà.

- Liên đoàn Lao động phối hợp với ngành, đơn vị liên quan đẩy mạnh giáo dục trí thức hóa đội ngũ công nhân; xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, vững vàng, có đủ trí thức, năng lực làm nòng cốt thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà. Xây dựng tổ chức Công đoàn ở hầu hết các đơn vị có đông công nhân lao động. Chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động. Tham gia có hiệu quả công cuộc cải cách hành chính, chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm ; tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách, pháp luật có liên quan đến người lao động.

- Hội Nông dân tập hợp đại bộ phận nông dân vào tổ chức hội, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để xây dựng giai cấp nông dân tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn, nòng cốt đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Phát huy truyền thống đoàn kết tương trợ nhau trong sản xuất và đời sống, xây dựng tình làng, nghĩa xóm. Coi trọng phối hợp với các ngành liên quan để chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất ; hỗ trợ tiêu thụ nông

sản ; phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật đất đai, Luật thuế nông nghiệp, giải quyết tranh chấp đất đai. Chú trọng hơn việc củng cố bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ hội đáp ứng tình hình mới.

- Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên thanh niên thấm nhuần lý tưởng cách mạng, có hoài bão, thường xuyên ra sức học tập rèn luyện nâng cao tri thức, đạo đức lối sống; tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả phong trào "Thanh niên lập nghiệp", "Tuổi trẻ giữ nước" và các chương trình, dự án, phong trào khác để qua đó tập hợp đông đảo thanh niên, giáo dục, rèn luyện thanh niên, động viên thanh niên đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và bảo vệ vững chắc an ninh, trật tự an toàn xã hội. Đây mạnh giáo dục truyền thống, lòng yêu nước, lý tưởng cách mạng cho thanh niên, cảnh giác trước âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch. Lãnh đạo Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh phát triển tổ chức và hoạt động có chất lượng, hiệu quả hơn. Chăm lo củng cố bộ máy và đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa cho Đảng, cho Đoàn.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ nâng cao chất lượng phong trào "vì tiên bộ của phụ nữ", đẩy mạnh công tác giáo dục, tập hợp các tầng lớp phụ nữ vào tổ chức, làm nòng cốt tổ chức phối hợp thực hiện tốt các chương trình, phong trào liên quan đến quyền, lợi ích và cuộc sống của phụ nữ, các hoạt động hỗ trợ, giúp nhau làm kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo vệ nhân phẩm phụ nữ, bảo vệ quyền trẻ em.

- Hội Cựu chiến binh, Ban Liên lạc hưu trí làm tốt hơn nữa công tác vận động và tổ chức cho hội viên, cán bộ hưu trí giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật và làm nòng cốt trong các phong trào ở địa phương, nêu gương đoàn kết, tương trợ nhau trong cuộc sống, giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ.

- Các đoàn thể chính trị và Hội nghề nghiệp vận động hội viên và các tầng lớp nhân dân đem tài năng, trí tuệ góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, xây dựng tinh nhà tiên kịp với khu vực và cả nước.

- Phối hợp tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, chính sách về tôn giáo, dân tộc. Quán triệt và cụ thể hóa chính sách tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng; bảo đảm những sinh hoạt tôn giáo bình thường và đúng pháp luật; chống các hoạt động truyền đạo trái phép ; chống mọi hành vi vi phạm chính sách tôn giáo và lợi dụng tôn giáo phá hoại đường lối, chính sách, phá hoại khối đoàn kết toàn dân; tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật đến đông đảo tín đồ, chức sắc, giúp họ thông hiểu, tích cực tham gia các phong trào, góp công sức xây dựng tinh nhà làm cho "tốt đời đẹp đạo" "nước vinh đạo sáng". Tập trung thực hiện tốt hơn các chính

sách đối với dân tộc ít người để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho họ, từng bước tiến kịp với mặt bằng chung của xã hội.

5/- Tiếp tục cải cách hành chính, xây dựng chính quyền các cấp trong sạch vững mạnh.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết TW7 (khóa VIII) mạnh mẽ hơn. Trước hết là rà soát lại từng chức năng, nhiệm vụ để sắp xếp, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả ; lựa chọn, đào tạo, bố trí đội ngũ cán bộ có phẩm chất, trí tuệ và năng lực ; cải cách, đổi mới nền hành chính Nhà nước, coi cải cách thủ tục hành chính là khâu đột phá để cải thiện môi trường đầu tư và phòng chống tiêu cực trong bộ máy, cán bộ. Xử lý nghiêm minh các tệ nạn tham nhũng, quan liêu, gây khó khăn thiệt hại cho người, tổ chức khác.

- Kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp đủ sức quản lý, giải quyết có hiệu quả các vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội. Coi trọng việc xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở. Có chính sách đào tạo chuẩn hóa và ổn định đội ngũ cán bộ xã, phường, thị trấn. Tăng cường kỷ cương trong hoạt động hành chính, nâng cao hiệu lực và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành. Tiếp tục triển khai xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, các Pháp lệnh về cán bộ công chức, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Hết sức coi trọng công tác tuyên truyền pháp luật và quản lý điều hành Nhà nước bằng pháp luật; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tuân thủ các quy định, nguyên tắc trong việc thu chi ngân sách và huy động sức dân. Hoàn thiện việc phân cấp quản lý Nhà nước về kinh tế. Phát huy hơn nữa vai trò của Hội đồng nhân dân các cấp trong việc kiểm tra, giám sát thu chi ngân sách.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, sắp xếp bộ máy và tinh giản biên chế. Rà soát bãi bỏ những khâu, những thủ tục hành chính không cần thiết, bất hợp lý gây phiền hà cho nhân dân; triệt để đổi mới thủ tục hành chính ở tất cả các khâu, các cấp, các lĩnh vực, thực hiện việc công khai hóa các chế độ, quy trình, thủ tục giải quyết. Rút kinh nghiệm và triển khai mô hình "một cửa" ở tất cả Sở, ngành, huyện, thị, xã, phường, thị trấn; trước hết là ở các cơ quan thường xuyên tiếp nhận và giải quyết các yêu cầu của công dân. Mạnh dạn phân cấp phân quyền cho cấp dưới đi đôi với xác lập trách nhiệm và thời gian giải quyết cụ thể, rõ ràng cho từng cấp, từng ngành.

Xác định rõ, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các Sở, ngành. Sắp xếp lại bộ máy, biên chế theo hướng tinh gọn, bảo đảm hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Kiện toàn các cơ quan tư pháp ; nâng cao trách nhiệm, làm tốt công tác điều tra, bắt, giam giữ, truy tố, xét xử, không để xảy ra những trường hợp oan sai. Tăng cường đội ngũ chấp hành viên, kiện toàn các cơ quan thi hành án trong sạch vững mạnh, đủ sức thực hiện nhiệm vụ đúng luật, đúng thời gian quy định.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngang tầm nhiệm vụ; sắp xếp cán bộ, công chức theo đúng chức danh, tiêu chuẩn, từng bước thực hiện luân chuyển cán bộ. Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại, thi tuyển công chức, nâng cao trình độ. Chú trọng củng cố, xây dựng đội ngũ cán bộ xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố ; giải quyết chế độ, chính sách đãi ngộ phù hợp, kịp thời đối với đội ngũ này.

Phát động phong trào thi đua yêu nước trên tất cả các lĩnh vực, đưa công tác thi đua vào nền nếp, chuẩn bị cho Đại hội thi đua vào năm 2005.

6/- Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngang tầm thời kỳ mới.

Tăng cường xây dựng Đảng mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng bộ. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; nâng cao kiến thức, năng lực lãnh đạo, năng lực tổ chức thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng và pháp luật Nhà nước, rèn luyện đạo đức, lối sống cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, nói đi đôi với làm. Tiếp tục củng cố Đảng về tổ chức, mở rộng dân chủ, tăng cường kỷ luật và giữ vững đoàn kết trong Đảng bộ ; tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Nâng cao sức chiến đấu tổ chức cơ sở Đảng, tạo ra bước chuyển biến mới của cơ sở Đảng vùng đồng bào tôn giáo, dân tộc.

Công tác tư tưởng nhằm bồi dưỡng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, tạo ra sự thống nhất cao trong Đảng để mỗi tổ chức Đảng, mỗi đảng viên thực sự là hạt nhân chính trị. Công tác tư tưởng cần kịp thời đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch; chống chủ nghĩa cá nhân, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và các tiêu cực. Nội dung cơ bản là giáo dục nâng cao nhận thức về nền tảng tư tưởng và nguyên tắc của Đảng, thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, phát huy truyền thống dân tộc, chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng và pháp luật Nhà nước. Công tác tư tưởng phải đa dạng, phong phú về hình thức, phải nhạy bén với thời cuộc, giải đáp được thực tiễn và định hướng, điều chỉnh hành vi con người theo các chuẩn mực đạo đức xã hội chủ nghĩa.

Nâng cao chất lượng hoạt động của trường Chính trị và các Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị bảo đảm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ theo yêu cầu quy hoạch và tiêu chuẩn hóa cán bộ. Phát huy vai trò và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan thông tin đại chúng; từng bước đổi mới trang thiết bị tiến tới hiện đại hóa nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đấu tranh ngăn ngừa xâm nhập văn hóa độc hại, phản động; đào tạo, bố trí cán bộ có phẩm chất, năng lực cho các cơ quan này. Tăng cường tài trợ phương tiện nghe nhìn, báo chí cho vùng nông thôn sâu, biên giới.

Tiếp tục thực hiện chiến lược cán bộ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm tốt công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ, hàng năm rà soát, bổ sung quy hoạch cán

bộ đảm bảo tính liên tục, kế thừa và phát triển. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đi đôi với thực hiện đúng và kịp thời chế độ, chính sách đối với cán bộ. Phần đầu đến năm 2005 có 80% cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, giữ không có cơ sở yếu kém. Khảo sát từng loại hình cơ sở Đảng, đánh giá đúng thực chất, bảo đảm hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ. Tăng cường công tác phát triển đảng viên mới đảm bảo chất lượng, chú ý vùng biên giới, dân tộc, tôn giáo và cán bộ khoa học, kỹ thuật; phần đầu đến năm 2005 tỷ lệ đảng viên so với dân số đạt 1,8% trở lên, riêng các xã biên giới đạt 1% trở lên. Tiến hành phân loại, đánh giá chất lượng đảng viên hàng năm để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí công tác kịp thời, chính xác, qua đó thanh lọc những đảng viên thoái hóa, biến chất. Coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ; xem xét, kết luận kịp thời những trường hợp cán bộ, đảng viên có liên quan đến chính trị.

Củng cố, tăng cường Ủy ban kiểm tra các cấp, nâng cao phẩm chất và trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kiểm tra để đủ sức giải quyết nhanh, chính xác, nghiêm minh các vi phạm liên quan đến tổ chức Đảng và cán bộ, đảng viên; ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Định kỳ phân tích, tổng hợp các vi phạm nổi cộm có tính phổ biến để tham mưu cho cấp ủy tập trung chỉ đạo chỉnh đốn kịp thời.

Công tác kiểm tra có vị trí cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ. Các cấp ủy cần tự mình kiểm tra và sử dụng các ban để tổ chức thường xuyên việc kiểm tra. Kiểm tra có chương trình, kế hoạch, có trọng tâm, trọng điểm và phải kết hợp chặt chẽ với công tác thanh tra Nhà nước, thanh tra nhân dân.

Tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đi đôi với đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng. Tiếp tục kiện toàn các ban Đảng, đoàn thể, chính quyền tỉnh, huyện theo Nghị quyết TW7 (khóa VIII) ; điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ ; bố trí lại cán bộ cho phù hợp với tổ chức mới ; thực hiện chế độ bổ nhiệm lại cán bộ theo quy định. Sau Đại hội Đảng các cấp, rà soát lại đội ngũ cấp ủy để có kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng để đủ trình độ, năng lực đảm đương nhiệm vụ. Giảm bớt hội họp, nâng cao chất lượng các cuộc họp, tăng cường đi cơ sở và tiếp xúc đối thoại với quần chúng. Cấp ủy làm việc phải có quy chế, có chương trình, kế hoạch, có định kỳ làm việc với lãnh đạo các cơ quan pháp luật, với Mặt trận và các đoàn thể ; đặc biệt là chăm lo lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Mỗi đảng viên từ tỉnh đến cơ sở đều phải tham gia sinh hoạt trong tổ chức quần chúng để gần dân, nắm dân.

Nâng cao năng lực chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đi đôi với việc nắm vững và cụ thể hóa sát hợp thực tế tình hình những quan điểm, tư tưởng của Đảng, pháp luật Nhà nước; cần phân công rõ trách nhiệm, thời gian hoàn thành từng việc cụ thể ; quá trình làm có kiểm tra, sơ kết, tổng kết rút ra mô hình tốt để nhân rộng, đồng thời phát hiện và xử lý nghiêm những tổ chức, cán bộ đảng viên thực hiện chậm trễ, nửa vời, không đến nơi đến chốn hoặc không làm.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ nêu trên, điều kiện tiên quyết là các cấp, các ngành và mỗi cán bộ, đảng viên phải quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ tỉnh và của các cấp, thống nhất hành động, nói và làm theo nghị quyết; tuyên truyền rộng rãi ra nhân dân và phát động thành phong trào hành động cách mạng trong quần chúng, huy động được sức mạnh của toàn dân trong việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đảng.

Trên cơ sở quán triệt nghị quyết, mỗi cấp, mỗi ngành phải cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt nghị quyết. Quá trình thực hiện phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nắm chắc tình hình, làm tốt công tác dự báo, hướng dẫn và chủ động đối phó với mọi tình huống phức tạp, phát sinh ngoài dự kiến. Đồng thời, qua kiểm tra đề xuất bổ sung, sửa đổi nội dung, giải pháp cho phù hợp thực tiễn, kịp thời phát hiện, biểu dương nhân tố mới, các điển hình tiên tiến. Đối với các công việc mới, khó khăn thì cần tổ chức làm thử để rút kinh nghiệm trước khi thực hiện ở diện rộng.

Các cấp ủy Đảng, các cơ quan tham mưu và mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng bộ tỉnh chịu trách nhiệm về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết ở địa phương, đơn vị mình.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ VII kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh đoàn kết một lòng, phát huy truyền thống quê hương trung dũng kiên cường, bản lĩnh cách mạng, nắm chắc thời cơ, vượt qua khó khăn, phấn đấu thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng tỉnh nhà giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ VII

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ VII, nhiệm kỳ 2001 - 2005 họp từ ngày 02 - 04/01/2001 tại Thị xã Tây Ninh, Đại hội đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, khẩn trương, tích cực, nghiêm túc.

Đại hội đã nghe Đoàn Chủ tịch trình bày Báo cáo chính trị ; Báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ ; Báo cáo kết quả thực hiện tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5, Trung ương 6 (lần 2) của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VI; Báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của Đảng bộ và nhân dân vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội IX của Đảng.

Trên cơ sở thảo luận và biểu quyết những vấn đề quan trọng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ VII;

QUYẾT NGHỊ

1- Thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ, Báo cáo kết quả thực hiện tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết TW5, TW6 (lần 2) của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VI trình Đại hội; giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII căn cứ vào ý kiến thảo luận và biểu quyết của Đại hội, ý kiến chỉ đạo của đồng chí thay mặt Bộ Chính trị để tu chỉnh và chính thức ban hành.

2- Thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội IX của Đảng; giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII căn cứ vào ý kiến kết luận của Đại hội để tu chỉnh và báo cáo Bộ Chính trị.

3- Đại hội đại biểu lần thứ VII Đảng bộ tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2001 - 2005 đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 47 đồng chí; Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy 13 đ/c; bầu Bí thư, 2 Phó bí thư Tỉnh ủy. Bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy 09 đồng chí, bầu Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy. Đại hội bầu đoàn đại biểu về dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng gồm 12 đồng chí đại biểu chính thức và 02 đồng chí dự khuyết.

Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị.

4- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII và các cấp ủy Đảng, tổ chức Đảng trong tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo triển khai quán triệt và xây dựng chương trình hành động thiết thực để tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Tây Ninh, ngày 04 tháng 01 năm 2001

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH TÂY NINH LẦN THỨ VII